

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN TRÀ XOM



BÁO CÁO

ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của Dự án đầu tư “NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN TRÀ XOM,
CÔNG SUẤT 20MW”

Địa điểm: xã Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim và Vĩnh Hào, huyện Vĩnh Thạnh,
tỉnh Bình Định.

CHỦ DỰ ÁN

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN
TRÀ XOM

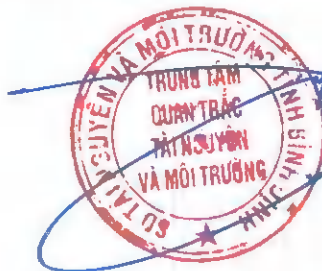
GIÁM ĐỐC



Dinh Thế Giới

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



ĐẶNG TRẦN TUẤN

Bình Định, 28 tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG.....	3
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	4
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	5
Chương I.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. Tên chủ cơ sở:.....	6
2. Tên cơ sở:	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	8
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có):	9
Chương II.....	16
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	16
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	16
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	16
Chương III	17
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	17
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	17
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	23
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	24
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	26
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	27
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	27
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	30
8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.....	30
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học	30
10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:.....	30

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

Chương IV	32
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	32
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	32
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	33
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	33
Chương V	35
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	35
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ trong 2 năm gần nhất	35
2. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo	43
Chương VI	44
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	44
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở	44
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	44
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	45
Chương VII.....	46
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	46
Chương VIII	47
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	47
PHỤ LỤC BÁO CÁO	48

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng cho Nhà máy	8
Bảng 1. 2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu của dự án:.....	9
Bảng 1. 3. Tổng hợp máy móc thiết bị	12
Bảng 3.1. Thống kê thông số đường ống hệ thống thu – thoát nước thải:	20
Bảng 3. 2 Thông số kỹ thuật của công trình HTXL nước thải	23
Bảng 3. 3: Lượng bùn thải phát sinh từ các bể tự hoại.....	24
Bảng 3. 4. Khối lượng chất thải nguy hại.....	26
Bảng 3. 4. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	31
Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn cho phép của nước thải sinh hoạt sau xử lý.....	32
Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn	33
Bảng 4. 3. Giá trị giới hạn cho phép của độ rung.....	34
Bảng 5. 1. Bảng vị trí điểm quan trắc	35
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc môi trường nước mặt	37
Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc thành phần môi trường nước dưới đất	38
Bảng 5. 4. Kết quả phân tích môi trường không khí tại khu vực làm việc	39
Bảng 5. 5 . Kết quả đo đạc môi trường vi khí hậu và độ ồn tại khu vực làm việc	40
Bảng 5. 6. Kết quả đo đạc môi trường không khí xung quanh.....	41
Bảng 5. 7. Kết quả đo đạc môi trường vi khí hậu và độ ồn.....	42
Bảng 5. 8. Kết quả đo đạc điện từ trường tại nhà máy	42
Bảng 5. 9. Vị trí lấy mẫu nước mặt	43
Bảng 5. 10. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt	43
Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 3 tháng	44
Bảng 6. 2: Dự kiến kế hoạch quan trắc chất thải của Nhà máy.....	44
Bảng 6. 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hằng năm	45

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.2. Sơ đồ minh họa nguyên tắc hoạt động của nhà máy thủy điện	8
Hình 3. 1: Sơ đồ điểm thoát nước mưa khu vực nhà máy	17
Hình 3. 2: Sơ đồ điểm thoát nước mưa khu vực nhà điều hành	18
Hình 3. 3: Sơ đồ điểm thoát nước mưa khu vực trên hồ	18
Hình 3. 4: Quy trình thu gom nước thải tại nhà máy	19
Hình 3. 6: Sơ đồ quy trình xử lý nước thải.....	21

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
COD	Nhu cầu oxy hóa học
NĐ-CP	Nghị định – Chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu Chuẩn Việt Nam
TSS	Tổng lượng chất rắn lơ lửng
UBND	Ủy ban nhân dân
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: Công ty CP Thủy điện Trà Xom
- Địa chỉ văn phòng: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.
- Người đại diện theo pháp luật:
Ông Đinh Thế Giới; Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty CP, mã số Doanh nghiệp số 4100605687 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 19/5/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 30/8/2022.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 35101000025 UBND tỉnh Bình Định cấp, chứng nhận lần đầu ngày 02/5/2007 và chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 13/2/2014.

2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: Nhà máy thủy điện Trà Xom (Gọi tắt là Nhà máy).
- Địa điểm thực hiện: xã Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim và Vĩnh Hảo, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.
- Diện tích thực hiện Nhà máy: 533.483,6 m²



Hình 1. 1: Vị trí tổng thể khu vực hồ, nhà máy và nhà điều hành

- Cơ quan thẩm định liên quan đến môi trường: UBND tỉnh Bình Định.
- + Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 3055/QĐ- CTUBND ngày 21/12/2007 và Quyết định số 1024/QĐ- CTUBND ngày 21/5/2012 về phê duyệt Báo cáo ĐTM môi trường bổ sung của Cơ sở xây dựng nhà máy thủy điện Trà Xom.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

- Quy mô của cơ sở: Căn cứ vào khoản 4, điều 9 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019, Nhà máy thuộc nhóm B, thuộc cơ sở nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Điều 39 của Luật BVMT năm 2020, Nhà máy thuộc đối tượng lập GPMT.

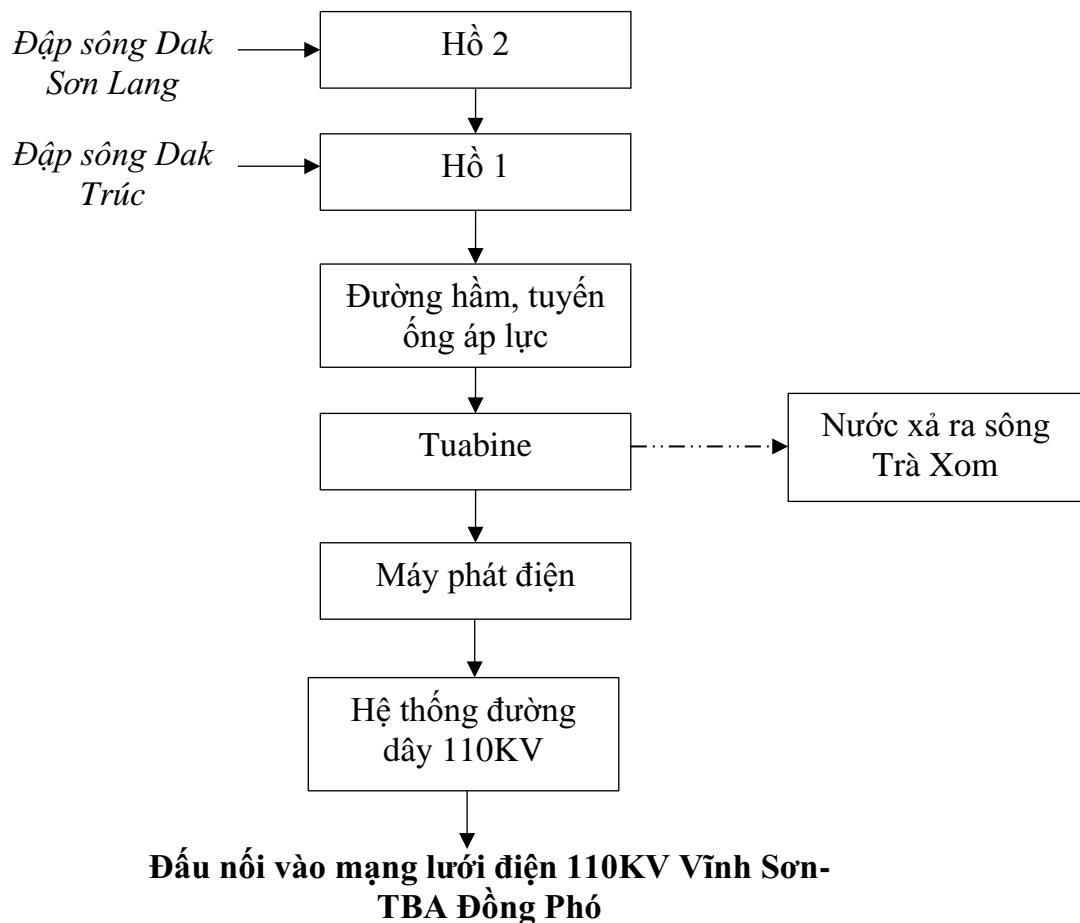
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất của cơ sở:

- Công suất: 20MW, gồm 2 tổ máy.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

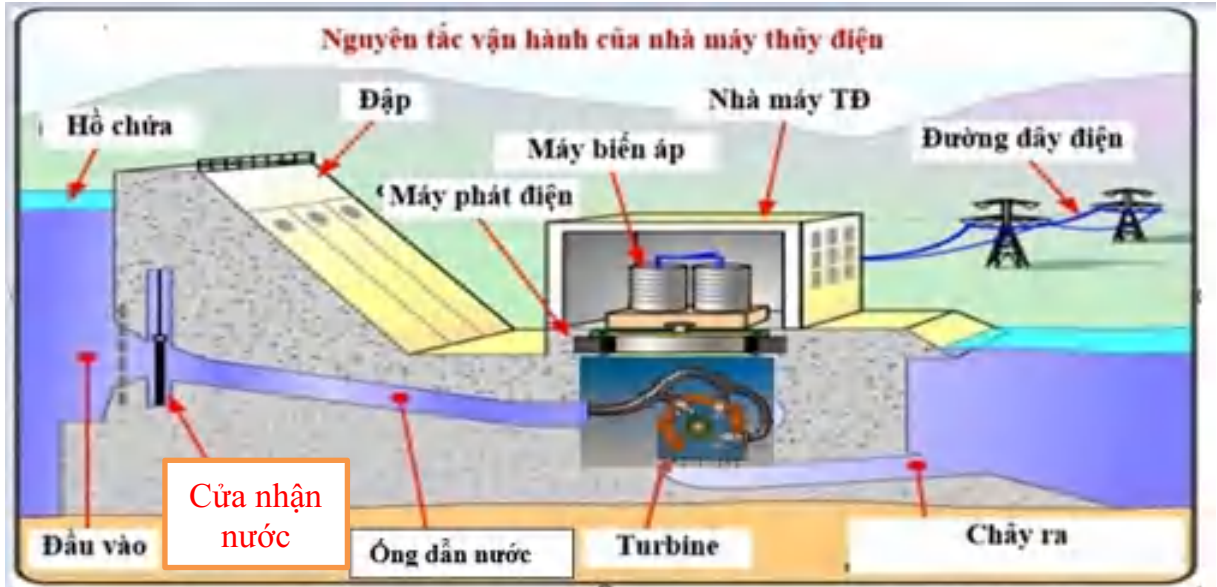
(1) Quy trình vận hành công trình thủy điện Trà Xom:



Thuyết minh quy trình:

Nước từ hồ chứa sẽ được dẫn về buồng tua bin thông qua cửa nhận nước (tại cửa nhận nước có lưới chắn rác) và đường hầm, tuyến ống áp lực. Tại đây toàn bộ thế năng cột nước và động năng dòng chảy sẽ tác động trực tiếp vào các cánh gáo làm quay trục tuabin. Trục tua bin được nối liền với Rô to máy phát điện quay trong từ trường các cuộn dây của Stator máy phát sẽ tạo suất điện động cảm ứng xoay chiều từ đó điện áp và dòng điện xoay chiều được sinh ra và được đấu nối vào mạng lưới điện 110KV Vĩnh Sơn- TBA Đồng Phú.

Sơ đồ mô phỏng nguyên tắc vận hành nhà máy thủy điện:



Hình 1.2. Sơ đồ minh họa nguyên tắc hoạt động của nhà máy thủy điện

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm đầu ra của cơ sở là điện năng hòa vào lưới điện khu vực, công suất 20Mw.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

Bảng 1. 1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng cho Nhà máy

Stt	Nguyên, nhiên liệu	Đơn vị	Khối lượng	Nguồn cung cấp/Ghi chú
1	Nhu cầu cấp nước			
1.1	Lưu lượng nước lớn nhất qua nhà máy	m ³ /s	4,9	Sông Dak Sơn Lang và sông Dak Trúc
1.2	Nhu cầu cấp nước sinh hoạt (30người)	m ³ /ngày.đêm	3,0	Định mức thực tế sử dụng 100 lít/ngày (QCVN 01:2021/BXD) Nguồn cung cấp: Suối và nước lọc cung cấp từ các đại lý
2	Nhu cầu sử dụng điện phục vụ hoạt động tại nhà máy	kWh/năm	370.000	Nguồn điện tự dùng tại nhà máy
3	Nhiên liệu sử dụng tại nhà máy			

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

3.1	Dầu cách điện sử dụng cho Máy biến áp, máy biến dòng điện, máy biến điện áp	Kg	18.600	Cấp lần đầu và không bổ sung. Khi có dầu không đạt chất lượng do đơn vị có chức năng kiểm nghiệm đo lường chất lượng phân tích, sẽ được lọc lại và tái sử dụng.
3.2	Dầu thủy lực bổ sung dùng để điều khiển và bôi trơn tua bin	Kg/năm	150	-

- Hóa chất của HTXLNT: Định mức Clo xử lý cho HTXLNT khoảng là $3g/m^3$

~ 9g.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có):

5.1. Các hạng mục công trình của Nhà máy

Bảng 1. 2 Các thông số kỹ thuật chủ yếu của dự án:

TT	Tên thông số	Đơn vị	Trị số	Ghi chú
A	Cụm công trình Hồ 1 (hồ chính)			
I	Cấp công trình	Cấp	III	
II	Lưu vực			
1	Diện tích lưu vực F_{lv}	km ²	86,9	Hồ 1+2
2	Lượng mưa trung bình nhiều năm X_0	mm	2.246	
3	Tổn thất bốc hơi ΔZ	mm	447,0	
3	Mô đun dòng chảy M_0	l/s/km ²	37,6	
4	Lưu lượng bình quân năm Q_0	m ³ /s	3,27	Hồ 1+2
5	Tổng lượng dòng chảy năm W_0	10 ⁶ m ³	103,1	Hồ 1+2
III	Hồ chứa			
1	Mực nước lũ kiểm tra ứng với P=0,2%	m	668,72	
2	Mực nước lũ thiết kế ứng với P=1%	m	668,20	
3	Mực nước dâng bình thường MNDBT	m	668,0	
4	Mực nước chết MNC	m	653,0	
5	Dung tích toàn bộ W_{tb}	10 ⁶ m ³	39,50	
6	Dung tích hữu ích W_{hi}	10 ⁶ m ³	31,22	
7	Dung tích chết W_c	10 ⁶ m ³	8,28	
8	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	km ²	2,81	
IV	Lưu lượng			
1	Q lưu lượng đảm bảo $Q_{đb=85\%}$	m ³ /s	1,9	
2	Lưu lượng max qua Nhà máy Q_{Tmax}	m ³ /s	4,9	
3	Lưu lượng min qua 1 tổ máy $Q_{min 1 tổ}$	m ³ /s	0,74	
4	Lưu lượng đỉnh lũ ứng với tần suất			
	- P = 0,2%	m ³ /s	920,0	
	- P = 1%	m ³ /s	760,0	
	- P = 5%	m ³ /s	600,0	
	- P = 10%	m ³ /s	520,0	

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

TT	Tên thông số	Đơn vị	Trị số	Ghi chú
V	Cột nước Nhà máy			
1	Cột nước lớn nhất H_{max}	m	510,6	
2	Cột nước trung bình H_{tb}	m	503,8	
3	Cột nước nhỏ nhất H_{min}	m	484,1	
4	Cột nước tính toán H_{tt}	m	486,5	
VI	Công suất			
1	Công suất lắp máy N_{lm}	MW	20,0	
2	Công suất đảm bảo $N_{đb}$	MW	8,33	
VII	Điện lượng			
1	Điện lượng trung bình năm E_o	Tr.kwh	85,64	
2	Số giờ sử dụng công suất lắp máy $HsdN_{lm}$	giờ	4.282	
VIII	Quy mô các hạng mục công trình			
1	Đập dâng chính đập đất đồng chất			
	- Kết cấu đập		VLĐP	
	- Cao trình đỉnh đập	m	669,5	
	- Chiều cao đập lớn nhất, H_d	m	40	
	- Chiều dài đập theo đỉnh, L	m	274,38	
	- Chiều rộng đỉnh đập, B	m	6,0	
	- Hệ số mái thượng lưu, m		3,0 ; 3,5	
	- Hệ số mái hạ lưu, m		2,5 ; 3,0	
2	Đập tràn xả lũ			
	- Kết cấu đập		Trọng lực	
	- Số khoang tràn, n	khoang	2	
	- Chiều rộng tràn, B_{tr}	m	14,0	
	- Cao trình ngưỡng tràn	m	660,0	
	- Chiều cao đập, H_d	m	19,0	
	- Lưu lượng xả ứng với lũ thiết kế $P_{1\%}$	m^3/s	630,0	
	- Cột nước lớn nhất trước tràn với $P_{1\%}$	m	8,20	
	- Lưu lượng xả ứng với lũ kiểm tra $P_{0.2\%}$	M^3/s	690,0	
	- Cột nước lớn nhất trước tràn với $P_{0.2\%}$	m	8,72	
3	Cửa lấy nước			
	- Cao trình ngưỡng	m	650,0	
	- Cao trình đỉnh	m	670,0	
	- Cao trình đáy	m	648,0	
	- Số khoang lấy nước	khoang	1	
	- Kích thước B x H	m	2,3 x 1,8	
	- Lưu lượng thiết kế, Q_{tk}	m^3/s	4,9	
4	Đường ống dẫn nước			
	- Kết cấu đường ống		Bê tông cốt thép	
	- Lưu lượng thiết kế, Q_{tk}	m^3/s	4,9	
	- Kích thước đường ống, B x H	m	1,4 x 1,4	
	- Chiều dài đường ống L	m	2.600,0	
5	Đường hầm dẫn nước			
	- Kết cấu đường hầm		Bê tông cốt thép	
	- Lưu lượng thiết kế, Q_{tk}	m^3/s	4,9	
	- Đường kính đường hầm	m	2,2	
	- Chiều dài đường hầm số 1	m	300,0	

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

TT	Tên thông số	Đơn vị	Trị số	Ghi chú
	- Chiều dài đường hầm số2	m	243,0	
	- Độ dốc đường hầm i	%	0,0	
6	Tháp điều áp			
	- Cao trình đỉnh tháp	m	677,0	
	- Mức nước max trong tháp	m	676,3	
	- Mức nước min trong tháp	m	646,3	
	- Chiều cao tháp	m	38,1	
	- Đường kính trong tháp, D	m	5,0	
7	Đường ống áp lực			
	- Loại đường ống		ống thép	
	- Đường kính trong	m	1,2	
	- Chiều dày thành ống	mm	12 ÷ 28	
	- Chiều dài đường ống	m	1.100,0	
8	Nhà máy			
	- Số tổ máy	Tổ	2	
	- Kiểu, loại tua bin		Peltol - gáo	
	- Cao độ sàn lắp máy	m	159,0	
	- Cao độ sàn gian máy	m	159,0	
	- Cao trình Turbine	m	153,1	
	- Kích thước Nhà máy A* B (theo MB)	m	20,5 x 32,5	
9	Kênh dẫn ra			
	- Chiều rộng đáy kênh	M	3	
	- Mái dốc kênh đào đất		1,0 :1,0	
	- Chiều dài kênh	m	64,5	
B	Cụm Công trình Hồ 2 (Hồ phụ)			
I	Cấp công trình	Cấp	IV	
II	Lưu vực			
1	Diện tích lưu vực F_{lv}	Km ²	18,6	
2	Lượng mưa trung bình nhiều năm X_0	mm	2.246	
3	Mô đun dòng chảy M_0	l/s/km ²	37,6	
4	Lưu lượng bình quân năm Q_0	m ³ /s	0,70	
5	Tổng lượng dòng chảy năm W_0	10 ⁶ m ³	22,1	
III	Hồ chứa hồ 2			
1	Mức nước lũ kiểm tra ứng với P=0,2%	m	730,3	
2	Mức nước dâng bình thường MNDBT	m	727,5	
3	Mức nước chết MNC	m	727,5	
4	Dung tích toàn bộ W_{tb}	10 ⁶ m ³	0,026	
5	Dung tích hữu ích W_{hi}	10 ⁶ m ³	0,000	
6	Dung tích chết W_c	10 ⁶ m ³	0,026	
7	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	km ²	0,010	
IV	Lưu lượng			
1	Lưu lượng đảm bảo $Q_{đb}$	m ³ /s	0,10	
2	Lưu lượng đỉnh lũ ứng với tần suất P=0,2%	m ³ /s	531,0	
V	Quy mô các hạng mục công trình Hồ 2			
1	Đập dâng kết hợp đập tràn xả lũ toàn tuyến			
	- Kết cấu đập		BTTL	
	- Cao trình đỉnh đập	m	727,5	

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

TT	Tên thông số	Đơn vị	Trị số	Ghi chú
	- Chiều cao đập lớn nhất, H _d	m	7,0	
	- Chiều dài đập theo đỉnh, L	m	52,0	
2	Cửa lấy nước hồ 2			
	- Cao trình ngưỡng	m	725,5	
	- Cao trình đỉnh	m	731,15	
	- Cao trình đáy	m	725,0	
	- Số khoang lấy nước	khoang	1	
	- Kích thước B x H	m	1,40 x 1,35	
	- Lưu lượng thiết kế, Q _{tk}	m ³ /s	2,8	
3	Kênh chuyển nước từ hồ 2 về hồ 1			
	- Kết cấu kênh		Bê tông cốt thép	
	- Lưu lượng thiết kế, Q _{tk}	m ³ /s	2,8	
	- Kích thước kênh, B x H	m	1,2*1,7	
	- Chiều dài kênh, L	m	2.270,0	
	- Độ dốc dọc kênh, 1	%	0,2	
VI	Đường dây đấu nối vào lưới điện (Đấu nối vào hệ thống đường dây mạch kép 110KV)	Km	4,29	
VII	Đường vận hành rộng 3,5m; 6,5m	Km	20,21	

5.1.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.
- Hệ thống thoát nước mưa tại khu vực nhà máy, khu vực nhà điều hành.
- 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 16m².

5.2. Danh mục máy móc thiết bị của Nhà máy

Bảng 1. 3 Tổng hợp máy móc thiết bị

STT	Thiết bị	Đơn vị	Thông số
1	Tuabin		
-	Loại		Pelton- trực đứng
-	Hiệu suất bình quân	%	90,36
-	Công suất định mức	MW	10,373
-	Tốc độ định mức	V/ph	750
-	Tốc độ lồng tốc tối đa	V/ph	1425
-	Lưu lượng qua tuabin	m ³ /s	2,41
2	Máy phát điện		
-	Công suất định mức	MVA	12,5
-	Điện áp định mức	kV	6,3
-	Dòng điện định mức	A	1145,5
-	Hệ số công suất		0,8
-	Tốc độ lồng tốc	V/ph	1425
-	Tốc độ định mức	V/ph	750
-	Hiệu suất bình quân	%	96,31
3	Hệ thống kích từ		

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

-	Kích từ		Không than chổi
-	Máy biến áp kích từ		
+	Điện áp định mức	kV	6,3/0,175
+	Làm mát		AN
+	Cách điện		F
+	Công suất	KVA	3
4	Máy biến áp chính		
-	Công suất định mức	MVA	12,5
-	Điện áp định mức	kV	115±(2x2,5%)/6,3
5	Thiết bị đóng cắt đầu cực máy phát		
-	Điện áp định mức	kV	6,6
-	Dòng điện ngắt mạch định mức ngắn hạn	KA/3S	31,5
-	Dòng điện định mức	A	1600
6	Máy biến dòng điện 6,3KV		
-	Dòng điện định mức	A	1300/1/1/1/1
-	Cấp chính xác cuộn đo lường		0,5
-	Cấp chính xác cuộn đo đếm		0,5
-	Cấp chính xác cuộn bảo vệ		5P20
7	Máy biến điện áp 6,3KV		
-	Dòng điện định mức		6,3/√3:0,11/√3:0,11√3
-	Cấp chính xác cuộn đo lường		0,5
-	Cấp chính xác cuộn đo đếm		0,5
-	Cấp chính xác cuộn bảo vệ		3P
8	Máy cắt 115KV		
-	Điện áp định mức	kV	123
-	Dòng điện định mức	A	3150
-	Dòng điện ngắt mạch định mức ngắn hạn	KA/3S	40
9	Dao cách ly 115KV		
-	Điện áp định mức	kV	115
-	Dòng điện định mức	A	1250
-	Dòng điện ngắt mạch định mức ngắn hạn	KA/3S	31,5
10	Máy biến dòng điện 115KV		
-	Dòng điện định mức	A	600-800-1200/1/1/1/1/1
-	Cấp chính xác cuộn đo lường		0,5
-	Cấp chính xác cuộn đo đếm		0,2

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

-	Cấp chính xác cuộn bảo vệ		5P20
11	Máy biến điện áp 115KV		
-	Điện áp định mức	KV	145
-	Cấp chính xác cuộn đo lường		0,5
-	Cấp chính xác cuộn đo đếm		0,2
-	Cấp chính xác cuộn bảo vệ		3P
12	Chống sét van 115KV		
-	Điện áp định mức	kV	96
-	Dòng điện phóng định mức	KA	10
13	Hệ thống nối đất		
-	Điện trở đẳng trị	Ω	0,28
14	Van cầu		
-	Đường kính	mm	600
-	Lưu lượng qua van cầu	m ³ /s	2,41
-	Thời gian mở lớn nhất	s	120
-	Thời gian đóng lớn nhất	s	60
-	Đóng bằng đối trọng, mở bằng dầu áp lực		
15	Van đĩa		
-	Đường kính	mm	1200
-	Lưu lượng qua van đĩa	m ³ /s	4,9
-	Thời gian mở lớn nhất	s	120
-	Thời gian đóng lớn nhất	s	60
-	Đóng bằng đối trọng, mở bằng dầu áp lực		
16	Hệ thống khí nén		
-	Áp lực thiết kế	kG/cm ²	13,2
-	Áp lực thử nghiệm	kG/cm ²	20
17	Hệ thống dầu điều tốc		
-	Áp lực thiết kế	Bar	90
-	Áp lực thử nghiệm	Bar	135
18	Máy điều tốc		
-	Thời gian trễ của bộ điều tốc	s	$\leq 0,2$
-	Độ chính xác điều chỉnh công suất	s	$\leq 0,1$
-	Dải điều chỉnh tốc độ tần số/tần số so với tốc độ/tần số định mức	%	90+100
-	Dải điều chỉnh công suất	%	0÷105
-	Thời gian lớn nhất để trở về trạng thái ổn định sau khi sự cố	s	60

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

-	Kiểu điều tốc vi xử lý kỹ thuật số dựa trên hiệu ứng hành lan		
19	Hệ thống nước kỹ thuật		
-	Áp lực thiết kế hệ thống	Bar	6
-	Áp lực thử nghiệm	Bar	9
-	Lưu lượng qua máy phát	l/ph	750
-	Lưu lượng qua ổ trên (NDE)	l/ph	144
-	Lưu lượng qua ổ dưới (DE)	l/ph	156
-	Tổng lưu lượng qua hệ thống	l/ph	1050
-	Số bộ lọc	bộ lọc kép (đặt đứng)	2
20	Hệ thống cứu hỏa		
-	Áp lực hệ thống	Kg/cm ²	7
-	Bảo vệ máy biến áp		Hệ thống phun mưa
-	Bảo vệ máy phát		Hệ thống phun sương
21	Hệ thống điện một chiều		
-	Điện áp định mức	VDC	220
-	Dung lượng định mức	Ah	400
22	Các rơle bảo vệ		
-	Tần số định mức	Hz	50
-	Dòng điện tín hiệu đầu vào	A	1
-	Điện áp đầu vào	V	110
23	Máy biến áp tự dòng		
-	Tỷ số biến áp	KV	6,3±(2x2,5%)/0,4
-	Tổ đấu dây		Dyn11
24	Máy cắt 0,4KV		
-	Dòng điện định mức	A	800
-	Điện áp định mức	V	400
-	Dòng điện ngắn mạch định mức ngắn hạn	KA/3S	31,5

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Công trình thủy điện Trà Xom được triển khai phù hợp với các quy hoạch, quyết định sau:

+ Quyết định số 3454/QĐ- BCN ngày 18/10/2005 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc;

+ Quyết định số 2394/QĐ- BCN ngày 01/9/2006 của Bộ Công nghiệp về việc phân loại công suất lắp máy thủy điện nhỏ và siêu nhỏ trong tính toán quy hoạch phát triển các nguồn năng lượng tái tạo.

+ Quyết định số 2470/QĐ- BCT ngày 25/4/2008 của Bộ Công Thương về phê duyệt hiệu chỉnh quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc.

+ Quyết định số 334/UBND- CN ngày 13/2/2006 của UBND tỉnh Bình Định về việc đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Trà Xom.

+ Văn bản số 6111/BCN- NLDK ngày 3/11/2006 của Bộ Công nghiệp về việc xây dựng Nhà máy thủy điện Trà Xom.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở đã UBND tỉnh Bình Định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 3055/QĐ- CTUBND ngày 21/12/2007 và Báo cáo Đánh giá tác động môi trường bổ sung theo Quyết định số 1024/QĐ- CTUBND ngày 21/5/2012. Đến năm 2015, cơ sở đã đi vào hoạt động chính thức. Theo đó: Quá trình hoạt động nhà máy thủy điện Trà Xom không phát sinh khí thải; Nước thải sinh hoạt của công nhân viên phát sinh được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14: 2008/BTNMT cột B, K=1,2 trước khi thải ra nguồn tiếp nhận; Chất thải nguy hại được chuyển giao cho đơn vị thu gom; Chất thải rắn sinh hoạt hiện tại khu vực chưa có đơn vị thu gom, do đó Công ty hiện đang phân loại phân loại tại nguồn (cụ thể: chất thải rắn có khả năng tái chế → bán cho các các hộ dân thu mua phế liệu, chất thải thực phẩm → sử dụng cho thức ăn gia súc và các chất thải rắn sinh hoạt khác → chôn lấp khuôn viên cơ sở).

Theo điều 22 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính Phủ Quy định chung về phân vùng môi trường, cơ sở không nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

Kết quả quan trắc môi trường đã được thực hiện trong 02 năm 2022-2023: môi trường nước mặt, nước ngầm, không khí xung quanh tại khu vực, cho thấy: các chỉ tiêu đo đạc, phân tích thấp hơn quy chuẩn cho phép

Do đó, cơ sở phù hợp khả năng chịu tải của môi trường tại khu vực.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

*) Tại khu vực nhà máy: Nước mưa được thu qua đường ống PVC D90 cùng với nước mưa chảy tràn trên bề mặt thu gom qua hệ thống mương bố trí xung quanh nhà máy, kết cấu kết cấu BTCT kích thước BxH= (0,5-1,0x0,3)m, sau đó chảy ra suối Trà Xom.

*) Khu vực nhà điều hành: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt được thu theo các mương, rãnh thoát nước được xây dựng bao quanh khu vực, sau đó nước mưa được dẫn theo đường rãnh thoát nước chảy ra nguồn tiếp nhận là suối Trà Xom.

*) Khu vực đập thủy điện: Tại các khu vực mái đập xây dựng hệ thống mương, rãnh xung quanh khu vực đập, kết cấu kết cấu BTCT kích thước BxH= (0,3-0,5x0,3)m để thu gom nước mưa sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Dak Son Lang (Hồ 2) và sông Dak Trú (Hồ 1).



Hình 3. 1:Sơ đồ điểm thoát nước mưa khu vực nhà máy



Hình 3. 2: Sơ đồ điểm thoát nước mưa khu vực nhà điều hành



Hình 3. 3: Sơ đồ điểm thoát nước mưa khu vực trên hồ

Một số hình ảnh hiện trạng về hệ thống mương thu gom nước mưa



Mương thu gom tại khu vực nhà điều hành

Mương thu gom tại khu vực nhà máy

Mương thu gom tại khu vực mái đập

1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Đối với nước thải sinh hoạt

***) Nguồn phát sinh:**

Theo bảng 1.2 tổng nhu cầu cấp nước sinh hoạt tại nhà máy khoảng 3,0m³/ngày, lượng nước thải phát sinh khoảng 2,4 m³/ngày (tính bằng 80% nước cấp), gồm các nguồn sau:

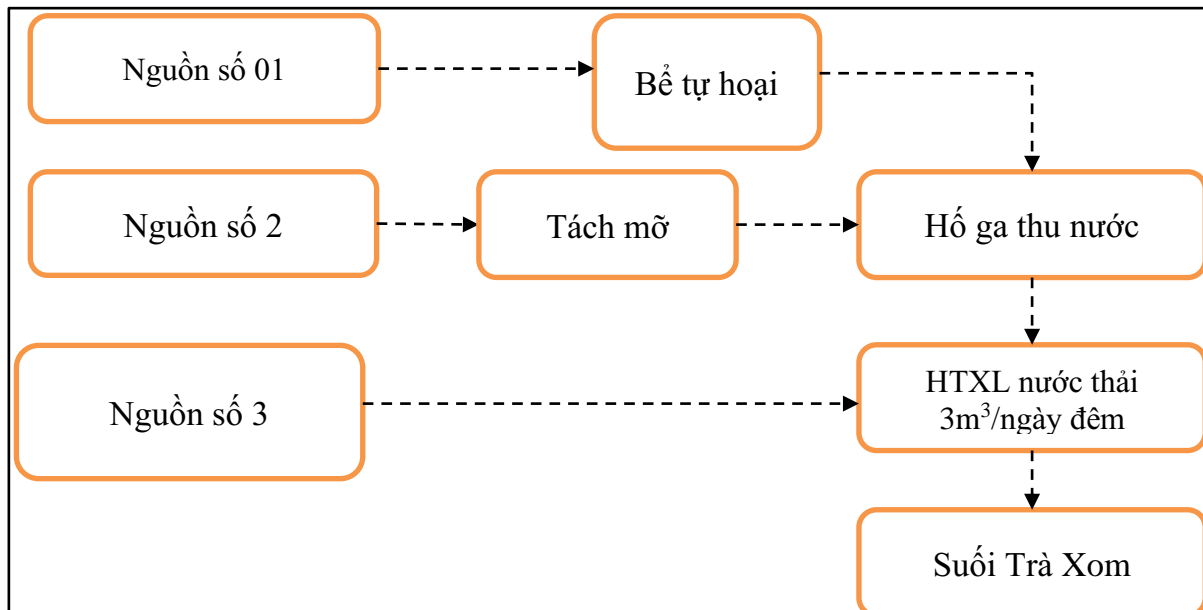
Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh khu nhà ở 5 gian.

Nguồn số 02: Nước thải nhà bếp.

Nguồn số 03: Nước thải từ nhà vệ sinh từ khu nhà ở số 1.

***) Phương án xử lý nước thải sinh hoạt như sau:**

Mạng lưới thu gom nước thải tại cơ sở: Hệ thống thu gom nước thải là hệ thống thoát nước riêng biệt. Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải được thể hiện như sau:



Hình 3. 4: Quy trình thu gom nước thải tại nhà máy

Một số hình ảnh thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại Nhà máy:



Bảng 3.1. Thống kê thông số đường ống hệ thống thu – thoát nước thải:

STT	Từ	Đến	Thông số D:L:i
1.	Khu nhà ở 5 gian	Hố ga thu nước	Ø 90; L50m; 1%
2.	Khu nhà bếp	Hố ga thu nước	Ø 90; L3m; 5%
3.	Hố ga thu nước	Hố gom HTXL	Ø 90; L50m; 5%
4.	Khu nhà ở số 1	Hố gom HTXL	Ø 90; L5m; 2%
5.	Hệ thống xử lý	Suối Trà Xom	Ø 90; L20m; 5%

Toạ độ vị trí xả nước thải (theo hệ toạ độ VN 2000, múi chiều 3 độ, kinh tuyến trực 108°15'): X(m) = 1.580.199 Y(m) = 551.174

Phương thức xả thải: tự chảy.

1.2.2. Đối với nước thải sản xuất

Do đặc thù của dự án là công trình thủy điện, nên công trình xử lý nước thải sản xuất trong giai đoạn vận hành là công trình xử lý nước thải rò rỉ từ gian máy và nước tháo khô (sau đây gọi tắt là nước thải sản xuất).

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

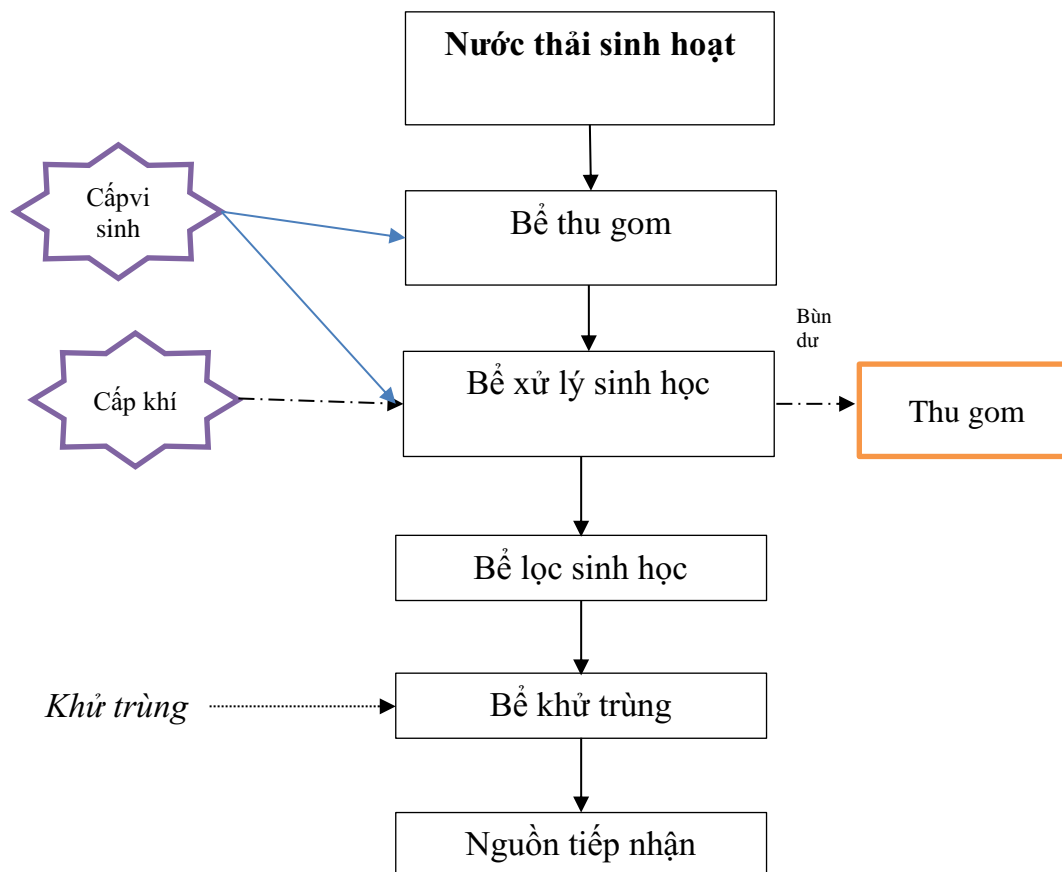
Dự án đã xây dựng 03 bể để xử lý nước thải sản xuất gồm: Bể thu gom dung tích 43,758m³, bể tách dầu dung tích 7,076m³, bể chứa nước dung tích 94,86m³. Trong bể tách dầu có bố trí dụng cụ vớt váng dầu để tách lớp dầu ra khỏi nước. Các thiết bị được bố trí tại buồng bơm tiêu nước rò rỉ.

1.2.3. Giảm thiểu ô nhiễm xói mòn sau hạ lưu nhà máy

- Bê tông hoá kênh xả sau nhà máy thủy điện đảm bảo chống xói lở phía hạ lưu.
- Gia cố bằng đá xây dựng bảo vệ toàn bộ mái dốc bao quanh nhà máy, phần mái dốc bờ trái sân tiêu năng phía sau công thoát của nhà máy.

1.3. Xử lý nước thải

- Công suất xử lý: Q = 3m³/ngày.đêm.
 - Công nghệ xử lý: công nghệ xử lý sinh học và khử trùng;
 - Chất lượng nước sau xử lý: QCVN 14: 2008/BTNMT, cột B, K= 1,2.
- Quy trình công nghệ xử lý nước thải:



Hình 3. 5: Sơ đồ quy trình xử lý nước thải

Thuyết minh quy trình xử lý:

Công nghệ sử dụng để xử lý áp dụng tại Nhà máy là công nghệ sinh học hiếu khí. Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom về bể gom, tại đây nước từ bể gom sẽ đưa qua các thiết bị xử lý sinh học hiếu khí được thiết kế kiểu nổi tiếp với thời gian lưu nước đạt 21h, và hệ thống cấp khí được điều chỉnh với mục đích khử hoàn toàn hàm lượng Amon (NH_4^+) có trong nước thải sinh hoạt.

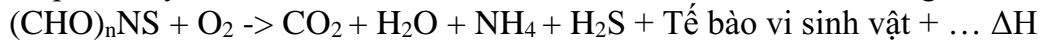
Vi sinh và dưỡng khí được vận hành theo cơ chế liên tục. quá trình tách bùn hoạt tính bằng thiết bị lọc sinh học theo phương pháp dòng ngược, đảm bảo nước thải sau lọc được khử trùng và thoát ra môi trường theo cơ chế tự chảy liên tục.

02 Giai đoạn chính của quá trình xử lý:

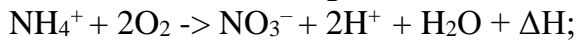
❖ Giai đoạn xử lý sinh học hiếu khí:

Nguyên tắc của quá trình này là sử dụng các vi sinh vật hiếu khí phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải có đầy đủ oxy hòa tan ở nhiệt độ, pH... thích hợp.

Quá trình phân hủy chất hữu cơ của vi sinh vật hiếu khí có thể mô tả bằng sơ đồ:



Trong điều kiện hiếu khí NH_4^+ và H_2S bị phân hủy nhờ quá trình nitrat hóa, sunfat hóa bởi vi sinh vật tự dưỡng:



Hoạt động của vi sinh vật hiếu khí bao gồm:

Quá trình dinh dưỡng: vi sinh vật sử dụng các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và nguyên tố vi lượng kim loại để xây dựng tế bào mới tăng sinh khối và sinh sản.

Quá trình phân hủy: vi sinh vật oxy hóa các chất hữu cơ hòa tan hoặc ở dạng các hạt keo phân tán nhỏ thành nước và CO_2 hoặc tạo ra các chất khí khác

❖ Giai đoạn lọc và khử trùng:

Sau khi giai đoạn lắng hoàn thành, nước thải sẽ qua bể lọc để loại bỏ hết cặn và chảy qua bể khử trùng, hóa chất Chlorine sẽ được châm vào bể thực hiện quá trình khử trùng nước thải trước khi xả thải ra môi trường. Dưới tác dụng của chất khử trùng sẽ tiêu diệt hoàn toàn các vi khuẩn gây bệnh tả, lỵ, thương hàn và vi rút,....đảm bảo cho nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn về mặt vi sinh.

Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo QCVN 14: 2008/BTNMT, cột B, K= 1,2, thải ra nguồn tiếp nhận là Suối Trà Xom.

❖ Tách cặn và thu hồi nước

Sau thời gian hoạt động (30 – 60 ngày) lượng bùn hoạt tính có khả năng phát sinh tăng làm tăng thể tích bùn tại thiết bị lọc, dẫn đến hiệu suất lọc sẽ giảm. Lúc này bùn sinh học sẽ được đưa về hồ tách bùn cặn, lượng nước sau tách bùn sẽ được thu hồi về bể gom.

Phần bùn cặn là bùn hữu cơ được sử dụng cho mục đích trồng cây.

*)Thông số kỹ thuật của công trình HTXL nước thải:

***) Quy trình vận hành của công trình:**

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

Việc vận hành máy móc trong toàn hệ thống kết hợp giữa vận hành tự động và vận hành bằng tay.

Hệ thống xử lý nước thải được điều khiển ở 02 chế độ:

• Chế độ tự động - Hoạt động theo chế độ điều khiển tự động bằng hệ thống cảm biến mực nước.

• Chế độ điều khiển bằng tay - Hoạt động theo sự điều khiển của công nhân vận hành tại tủ động lực.

Chế độ vận hành tự động giúp đơn giản hóa cho người vận hành, nếu muốn toàn bộ hệ thống vận hành tự động chỉ việc chỉnh tất cả các công tắc qua Auto (chế độ tự động).

Chế độ điều khiển bằng tay sử dụng trong quá trình chạy chế độ hoặc cân chỉnh máy móc. Ở chế độ điều khiển bằng tay, nếu muốn cho máy nào hoạt động chỉ việc chỉnh công tắc qua Man (chế độ bằng tay), tắt máy thì chỉnh công tắc qua OFF (tắt) tương ứng dưới bảng tên của máy đó.

Bảng 3. 2 Thông số kỹ thuật của công trình HTXL nước thải

STT	Công trình, thiết bị hệ thống xử lý	Thông số kỹ thuật			Dung tích xử lý (m ³)	Thời gian lưu (h)	Chức năng
		Dài	Rộng	Cao			
1.	Hồ thu gom, cân bằng	0,6	0,6	1	0,4	2,2	Thu gom nước thải
2.	Khối xử lý sinh học (3 khối)	1	1	1,2	3,6	21,6	Khử BOD/COD; Nito, P
3.	Khối tách cặn	1	1	1,2	3,6	21,6	Tách cặn làm trong nước
4.	Thiết bị khử trùng	1	1	1,2	3,6	21,6	Khử trùng nước thải

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Nhà máy chỉ phát sinh bụi và khí thải do các phương tiện ra vào nhà máy và điện từ trường phát sinh trong quá trình sản xuất điện, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu sau:

- Nhà để xe được bố trí tại khu vực nhà điều hành, toàn bộ tuyến đường nội bộ trong Nhà máy được bê tông hóa.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy.

- Thường xuyên vệ sinh đường giao thông trong khu vực Nhà máy để giảm thiểu bụi phát tán vào môi trường không khí.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân khi làm việc tại nhà máy;

Một số cây xanh tại khu vực nhà điều hành



3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Thành phần, khối lượng CTR sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy bao gồm các thành phần như: thực phẩm thừa, giấy, carton, bao nylon, đồ hộp,...Khối lượng chất thải phát sinh thường xuyên khoảng 7,0kg/ngày. Hiện nay, tại khu vực chưa có đơn vị thu gom, do đó Công ty thực hiện thu gom và phân loại như sau:

- + Chất thải rắn có khả năng tái chế: bán cho các các hộ dân thu mua phế liệu;
- + Chất thải thực phẩm: Cho các hộ dân sử dụng cho thức ăn gia súc;
- + Các chất thải rắn sinh hoạt khác: Chôn lấp trong khu vực của cơ sở, sau thời gian sẽ thực hiện trồng cây trên các vị trí này.

Trong thời gian tới, khi khu vực có đơn vị thu gom Công ty sẽ thực hiện ký hợp đồng thu gom theo quy định.

- Đối với bùn từ bể tự hoại:

Thể tích lượng bùn thải phát sinh được tính toán theo công thức:

$$W_c = [aT(100 - W_1)bc] N / [(100 - W_2).1000]$$

Trong đó:

a: Lượng cặn trung bình của 01 người thải ra trong 01 ngày

T: Thời gian giữa 02 lần lấy bùn

W1: Độ ẩm bùn tươi vào bể

W2: Độ ẩm của bùn khi lên men

b: Hệ số kể đến việc giảm thể tích bùn khi lên men

c: Hệ số kể đến việc phải giữ lại một phần bùn

N: số người mà bể phục vụ (30người)

Wc: lượng bùn thải phát sinh từ bể tự hoại.

Bảng 3. 3: Lượng bùn thải phát sinh từ các bể tự hoại

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

STT	Nội dung	Đơn vị	Ký hiệu	Giá trị
1	Lượng bùn trung bình của 01 người thải ra trong 01 ngày	l/ng.ngđ	a	0,5
2	Thời gian giữa 02 lần lấy bùn	ngày	T	180
3	Độ ẩm bùn tươi vào bể	%	W1	95
4	Độ ẩm của bùn khi lên men	%	W2	90
5	Hệ số kể đến việc giảm thể tích bùn khi lên men	-	b	0,7
6	Hệ số kể đến việc phải giữ lại một phần bùn	-	c	1,1
7	Số người mà bể phục vụ	Người	N	1000
8	Lượng bùn thải phát sinh	m ³	W _C	2,1

Khối lượng bùn phát sinh 2,1 m³/180 ngày, tỷ trọng điển hình của cặn lắng đáy dạng bùn là 1,4 – 1,5 tấn/m³, tính toán cho mức trung bình 1,45 tấn/m³, khối lượng bùn phát sinh 0,02 kg/6 tháng.

Khi các bể có dấu hiệu đầy, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến hút thu gom, vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- Bùn từ HTXLNT:

Bùn từ HTXLNT: trong quá trình vận hành hệ thống XLNT phát sinh bùn thải. Lượng bùn thải phát sinh từ HTXL như sau:

$$G = Q * (0,8SS + 0,3 BOD_5) \text{ (kg/ngày)}$$

Trong đó:

Q: lưu lượng nước thải cần xử lý là 3 m³/ngày.

SS: lượng chất lơ lửng có trong nước thải dao động từ 250 – 300mg/l (chọn 300 mg/l ≈ 0,3 kg/m³)

BOD₅ có trong nước thải dao động từ 150 – 250 mg/l (chọn 250 mg/l ≈ 0,25 kg/m³)

Vậy lượng bùn phát sinh tính toán được khoảng 381 kg/ngày. Tuy nhiên, lượng bùn tuần hoàn về bể xử lý hiếu khí chiếm khoảng 70%, lượng bùn chết thải ra chiếm 30%, lượng khoảng 0,4kg/ngày ~ 146 kg/năm.

Phương án thu gom bùn: lưu chứa tại bể tách cặn. Công ty ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.) và chuyển giao cho đơn vị chức năng để thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường (bao gồm cành, lá cây, rác thải nhựa thu gom từ lòng hồ): với khối lượng 100 kg/năm. Định kỳ sẽ được vớt 2 lần/tháng hoặc sau những ngày mưa bão. Công ty thực hiện thu gom vào các thùng rác có nắp đậy và lưu chứa tại khu vực đập với diện tích khoảng 10 m² (có mái che, nền bê tông chống thấm) phân loại, ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến để thu gom và xử lý theo quy định.

- Đối với lượng bùn nạo vét lòng hồ: từ khi hoạt động đến nay Công ty chưa thực hiện nạo vét lòng hồ, vì lưu vực của lòng hồ là rừng đầu nguồn nên khối lượng bồi lắng

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

rất ít, trước mặt công ty chưa có kế hoạch nạo vét lòng hồ. Trước khi thực hiện nạo vét hồ Công ty sẽ xin hướng dẫn của đơn vị quản lý nhà nước về vị trí đổ thải theo quy định.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh gồm các loại chất thải như sau:

Bảng 3. 4. Khối lượng chất thải nguy hại

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại thông thường	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	NH	16
2	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Lỏng	NH	140
3	Các thiết bị linh kiện điện tử thải	16 01 13	Rắn	NH	47
4	Giẻ lau dính dầu thải, chất hấp thụ dầu thải	18 02 01	Rắn	KS	44
Tổng					247

(Nguồn liên chứng từ thu gom chất thải nguy hại từ năm 2021-2023)

Ghi chú: Ký hiệu (-): Chất thải chưa phát sinh

- Thiết bị lưu chứa: bố trí 10 thùng phuy sắt để lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát, có dán nhãn để phân biệt từng loại chất thải, ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến để thu gom và xử lý theo quy định.

- Khu vực lưu chứa: 01 kho chứa CTNH có diện tích 16m² (3,3x3,3)m được bố trí tại khu vực nhà máy; có cửa ra vào, có mái che, tường bao che bằng tôn, nền kho bằng bê tông chống thấm, cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh 10cm, bên ngoài dán các biển báo theo quy định để lưu chứa chất thải phát sinh.

+ Tại khu vực vận hành tuabin và máy phát điện: Công ty đã bố trí 02 bể chứa có kích thước (4,1x1,9x2)m để thu gom dầu rò rỉ phát sinh từ các thiết bị này. Công ty sẽ thực hiện hút lượng dầu này chứa vào các phuy chứa có dung tích khoảng 200l và tập trung tại kho chứa CTNH. Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom và xử lý.

+ Tại khu vực trạm biến áp: Công ty đã bố trí 01 bể thu gom có 03 ngăn: Ngăn 1 thu dầu có kích thước: (3,3x3,2x2,55)m; Ngăn 2 thu nước lẫn dầu có kích thước (1,1x1,5x2,55)m; Ngăn 3 thu nước có kích thước (1,1x1,5x2,55)m, khi dầu trong MBA nóng, giãn nở đột ngột dầu sẽ được xả xuống bể dầu lẫn nước. Sau đó, lượng dầu sẽ theo đường ống chảy về bể chứa dầu tập trung kích thước (3,3x3,2x2,55)m. Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

Một số hình ảnh



Thùng lưu chứa CTNH tại kho



Kho chứa CTNH



Hố gom thu dầu máy biến áp



Hố gom thu dầu khu vực đặt Tuabin và máy phát điện

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng máy móc hiện đại, kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt, lắp đặt đệm cao su chống ồn, chống rung dưới chân các máy móc, thiết bị...

- Thực hiện bảo dưỡng máy móc định kỳ 03 tháng/lần đảm bảo các điều kiện kỹ thuật làm việc và tăng tuổi thọ của máy móc thiết bị.

- Thường xuyên kiểm tra độ mòn chi tiết của máy móc thiết bị và bổ sung dầu bôi trơn.

- Lắp đặt vật liệu cách âm bao quanh phòng đặt máy phát điện. Nhà điều hành của hệ thống xử lý nước thải, nơi đặt các thiết bị, máy móc phải được gia cố nền bê tông chắc chắn để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với HTXL nước thải

- Sự cố môi trường đối với HTXL nước thải: HTXL nước thải vận hành theo 02 chế độ tự động và vận hành bằng tay, khi hệ thống có sự cố ở bất kỳ công đoạn nào thì nhân viên kỹ thuật phụ trách sẽ chuyển điều khiển sang vận hành bằng tay.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý

nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Bố trí bơm dự phòng để khắc phục sự cố hư hỏng bơm.

- Thường xuyên kiểm tra công trình, thiết bị, đường ống, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống đường ống nước mưa, nước thải, các hố ga để tăng khả năng thoát nước.

- Bố trí các bơm dự phòng để thay thế kịp thời bơm bị hư hỏng, đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục, không bị gián đoạn do sự cố.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Thực hiện tối ưu hóa vận hành theo hướng sử dụng năng lượng, hóa chất tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo sự ổn định vận hành của hệ thống, kịp thời phát hiện và xử lý sự cố.

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Công ty đã được phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy số 63/TD-PCCC ngày 7/11/2007 đối với nhà máy thủy điện Trà Xom.

- Công ty đã được UBND huyện Vĩnh Thạnh Quyết định số 1196/QĐ- UBND ngày 31/7/2024 về Phê duyệt Phương án Ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa.

- Công ty đã thành lập đội PCCC và CNCH tại chỗ theo Quyết định số 01/CT-TH ngày 01/01/2021.

- Xây dựng và ban hành nội quy PCCC, đặt biển báo cấm lửa, cấm hút thuốc nghiêm yết tại vị trí dễ thấy để cán bộ, công nhân thực hiện. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về PCCC và an toàn điện trong quản lý và vận hành Nhà máy.

- Tăng cường các biện pháp giáo dục ý thức chấp hành nội quy PCCC cho công nhân, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc chấp hành nội quy PCCC đã đề ra.

- Bố trí họng nước cứu hỏa, các thiết bị chữa cháy tại chỗ như: bình bột, bình CO₂,... tại khu nhà máy, khu nhà điều hành,...

- Hệ thống điện được lắp đặt các role chống sự cố để hạn chế chập, chạm điện và những tình huống xấu do sự cố về điện gây ra.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động gồm tủ trung tâm báo cháy, các đầu dò báo cháy và báo nhiệt, chuông đèn, nút ấn báo cháy,... Hệ thống báo cháy được kiểm tra thường xuyên và nằm trong tình trạng sẵn sàng hoạt động theo đúng quy định PCCC.

- Tiến hành kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị an toàn và phát hiện, xử lý kịp thời các lỗi ở TBA, nhà máy,... có nguy cơ xảy ra chập điện gây cháy nổ hoặc rò rỉ điện.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

- Trong nhà máy bố trí các bể nước và các thiết bị, phương tiện chữa cháy để kịp thời ứng phó sự cố.

- Sự cố dầu của máy biến áp: Theo dõi thường xuyên quy trình vận hành, hoạt động của máy biến áp và hệ thống cảnh báo an toàn vận hành của máy biến áp để kịp thời khắc phục các tác động tiêu cực do sự cố gây ra. Công ty đã bố trí 01 bể thu gom có 03 ngăn: Ngăn 1 thu dầu có kích thước: (3,3x3,2x2,55)m; Ngăn 2 thu nước lẫn dầu có kích thước (1,1x1,5x2,55)m; Ngăn 3 thu nước có kích thước (1,1x1,5x2,55)m, khi dầu trong MBA nóng, giãn nở đột ngột dầu sẽ được xả xuống bể dầu lẫn nước. Sau đó, lượng dầu sẽ theo đường ống chảy về bể chứa dầu tập trung kích thước (3,3x3,2x2,55)m. Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

- Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, tùy vào mức độ và vị trí cháy nổ để triển khai các phương án chữa cháy kịp thời. Sử dụng các thiết bị chữa cháy để tiến hành chữa cháy đồng thời thực hiện các công việc như: ngắt cầu dao điện, gọi điện thoại cho cảnh sát PCCC tại địa phương, thông báo đến các cơ quan có liên quan biết để phối hợp ứng phó, di chuyển người, tài sản ra khỏi khu vực bị cháy...

Một số hình ảnh liên quan đến phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:



6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố do thiên tai

- Kiểm tra công trình trước mùa mưa lũ toàn bộ các hạng mục công trình theo quy định hiện hành và theo Quyết định số 1196/QĐ- UBND ngày 31/7/2024 về Phê duyệt

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

Phương án Ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa; phát hiện và xử lý kịp thời những hư hỏng, đảm bảo công trình vận hành an toàn trong mùa mưa lũ. Công ty thực hiện kiểm tra các hạng mục công trình hồ, đập, thiết bị vận hành, thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng công trình thiết bị để đảm bảo an toàn mùa mưa, bão.

- Thực hiện đúng quy định về vận hành điều tiết hồ trong mùa lũ, công tác chế độ quan trắc, dự báo, cung cấp thông tin, số liệu kịp thời đến cơ quan có liên quan.

- Đã thành lập Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT & TKCN) và đội xung kích của Công ty; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong ban Chỉ huy PCTT&TKCN của Công ty. Định kỳ hàng năm Công ty lập phương án diễn tập phòng chống lụt bão trình Công ty duyệt và tổ chức diễn tập PCTT cho cán bộ công nhân viên đơn vị theo tình huống đã được lập trong phương án, nhằm nâng cao khả năng ứng phó trong những tính huống mưa, bão có diễn biến phức tạp.

6.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối vỡ đập, đường ống dẫn nước

- Công ty đã được UBND huyện Vĩnh Thạnh Quyết định số 1196/QĐ- UBND ngày 31/7/2024 về Phê duyệt Phương án Ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa.

- Công ty đã thành lập đội PCCC và CNCH tại chỗ theo Quyết định số 01/CT-TH ngày 01/01/2021.

- Trên toàn bộ công trình đập lắp đặt các thiết bị quan trắc để phục vụ công tác giám sát an toàn đập khi vận hành.

- Thường xuyên tu sửa bảo dưỡng và kiểm tra hệ thống đường hầm theo định kỳ.

- Trường hợp sự cố xảy ra phải nhanh chóng tiến hành đóng cửa nhận nước, tháo cạn nước trong đường hầm và tiến hành sửa chữa vị trí rò rỉ.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các đập đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động (đặc biệt trong quá trình xả nước, xả lũ - vận hành công trình mùa lũ) nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố, sạt trượt có nguy hại đến an toàn đập.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: không

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi: không

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Tại thời điểm lập hồ sơ về cơ bản chủ Nhà máy đã thực hiện đầy đủ các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 3055/QĐ- CTUBND ngày 21/12/2007 và Báo cáo Đánh giá

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

tác động môi trường bổ sung theo Quyết định số 1024/QĐ- CTUBND ngày 21/5/2012. Trong quá trình thực hiện Nhà máy, để phù hợp với thực tế và nâng cao công tác bảo vệ môi trường, Công ty đã có những điều chỉnh, thay đổi một số hạng mục so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cụ thể như sau:

Bảng 3. 4. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

TT	Công trình	Phương án trong ĐTM được duyệt	Phương án thay đổi, điều chỉnh
1	Bổ sung quy trình xử lý nước thải sinh hoạt	Xử lý bằng hầm từ hoại	Xây dựng hệ thống XLNT, công suất 3m ³ /ngày.đêm. Quy trình NTSH xử lý sơ bộ →Bể thu gom→bể xử lý sinh học→Bể lọc →Bể khử trùng→Đạt theo QCVN 14: 2008/BTNMT cột B, K=1,2, thoát ra suối Nước Rung

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động tắm rửa, bồn rửa tay, giặt giũ.
- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu nhà bếp.

1.2 Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

(1) Nguồn tiếp nhận nước thải: nước sau xử lý đạt theo QCVN 14: 2008/BTNMT cột B, K=1,2, thoát ra suối Trà Xom.

(2) Vị trí xả thải:

- Vị trí: Suối Trà Xom. Tọa độ: X(m) = 1.580.199 Y(m) = 551.174 (theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trục 108⁰15').

(3) Lưu lượng xả thải nước thải lớn nhất: 3m³/ngày.đêm.

(4) Phương thức xả nước thải: tự chảy.

(5) Chế độ xả nước thải: liên tục

(6) Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải theo QCVN 14: 2008/BTNMT cột B, K=1,2 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn cho phép của nước thải sinh hoạt sau xử lý

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14: 2008/BTNMT (Cột B, k=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục
2.	BOD5 (20 ⁰ C)	mg/l	60		
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4.	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200		
5.	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7.	Nitrat (NO ₃ -)(tính theo N)	mg/l	60		
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

9.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	0		
10.	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12		
11.	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5000		

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1 Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực 02 tổ máy phát điện.
- Nguồn số 02: Vận hành thiết bị (máy thổi khí, máy bơm) trong hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng.

3.2 Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Toạ độ nguồn số 01: X = 1.580.153, Y = 550.761 (theo hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 108°15').
- Toạ độ nguồn số 02: X = 1.580.193, Y = 551.184 (theo hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 108°15').
- Toạ độ nguồn số 03: X = 1.580.155, Y = 550.772 (theo hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 108°15').

3.3. Tiếng ồn độ rung đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung cụ thể như sau:

(1) Tiếng ồn: phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA, cụ thể như sau:

Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

(2) Độ rung: độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 4. 3. Giá trị giới hạn cho phép của độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ trong 2 năm gần nhất

Bảng 5. 1. Bảng vị trí điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu (VN2000, múi 6°, kinh tuyến 108)		Mô tả điểm quan trắc
				X(m)	Y(m)	
1	Khu vực hồ 1 nơi dẫn về nhà máy	NM1	14/6/2022 19/06/2023 và 23/11/2023	251299	1588575	Nước vàng nhạt, ít cặn
2	Khu vực cửa xả ra sông Trà Xom	NM2		251292	1588561	Nước vàng, có cặn
Thành phần môi trường Nước ngầm						
1	Giếng khoan trong khu vực nhà ở quản lý vận hành	NN1	14/6/2022 19/06/2023 và 23/11/2023	251315	1588598	Nước trong
Thành phần môi trường không khí						
1	- Khu vực đặt tua bin	KK1	14/6/2022 19/06/2023 và 23/11/2023	252990	1582353	
2	- Khu vực máy phát điện	KK2		258711	1582447	
3	- Khu vực máy biến áp	KK3		259782	1580254	
4	- Khu vực văn phòng	KK4		251151	1589522	

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

Thành phần môi trường điện từ trường						
1	- Khu vực đặt tua bin	KK1	14/6/2022 19/06/2023 và 23/11/2023	252990	1582353	
2	- Khu vực máy phát điện	KK2		258711	1582447	
3	- Khu vực máy biến áp	KK3		259782	1580254	
4	- Khu vực văn phòng	KK4		251151	1589522	
5	Đường dây 110 KV điểm thứ nhất	KK5		251100	1589418	
6	Đường dây 110 KV điểm thứ hai	KK6		251133	1589446	

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc môi trường nước mặt

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm						QCVN 08-MT:2023BTNMT (Cột B)
			Năm 2022		Đợt 1/2023		Đợt 2/2023		
			NM1	NM2	NM1	NM2	NM1	NM2	
01	pH (*)	-	7,12	7,18	7,15	7,21	7,13	7,19	6,0-8,5
02	Ôxy hoà tan-DO	mg/L	5,41	5,72	5,3	5,6	5,2	5,5	≥ 5,0
03	Tổng chất rắn lơ lửng (*)	mg/L	8	12	10	14	16	14	≤ 15
04	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày BOD ₅	mg/L	5	6	6	8	6	8	≤ 6
05	Nhu cầu oxy hóa học-COD(*)	mg/L	10	12	12	16	12	16	≤ 15
06	Hàm lượng Amoni (tính theo N)	mg/L	0,47	0,51	0,49	0,56	0,41	0,47	-
07	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	0,41	0,49	0,45	0,51	0,34	0,43	-
08	Hàm lượng Sắt – Fe (*)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	-
09	Coliform	MPN/100mL	400	500	300	400	500	700	≤ 5.000
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	Bq/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	-
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β*	Bq/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	-

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

(Nguồn Báo cáo công tác BVMT năm 2022, 2023)

Nhận xét: Nhận xét: Tại thời điểm quan trắc kết quả phân tích chất lượng môi trường nước mặt (NM1, NM2) trong năm 2022 và 2023 so với QCVN 08:2023/BTNMT (Cột B) cho thấy:

+ Năm 2022: có 5/11 chỉ tiêu không có quy chuẩn so sánh, các chỉ tiêu còn lại thấp hơn quy chuẩn cho phép

+ Năm 2023: BOD5, COD (đợt 1) và TSS (đợt 2) vượt quy chuẩn cho phép; có 5/11 chỉ tiêu không có quy chuẩn so sánh, các chỉ tiêu còn lại thấp hơn quy chuẩn cho phép

- Kết quả quan trắc nước ngầm (nước dưới đất).

Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc thành phần môi trường nước dưới đất

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ			QCVN 09:2023/BTN MT
			Năm 2022	Đợt 1/2023	Đợt 2/2023	
1	pH (*)	-	6,54	6,51	6,44	5,5 – 8,5
2	Độ cứng(CaCO ₃)	mg/l	60	62	58	500
3	TS	mg/l	210	212	206	-
4	COD (KMnO ₄)	mgO ₂ /l	KPH	KPH	KPH	-
5	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	KPH	KPH	KPH	1
6	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	2,1	2,3	1,3	15
7	Sắt (*)	mg/l	1,1	1,0	1,10	5
8	Coliform	MPN/100ml	KPH	KPH	KPH	3
9	E.Coli	MPN/100ml	KPH	KPH	KPH	KPH
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	Bq/L	KPH	KPH	KPH	0,1
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β*	Bq/L	KPH	KPH	KPH	1

(Nguồn Báo cáo công tác BVMT năm 2022, 2023)

Nhận xét: Tại thời điểm quan trắc kết quả phân tích chất lượng môi trường nước ngầm (nước dưới đất) so với QCVN09-MT:2023/BTNMT cho thấy các chỉ đều nằm trong quy chuẩn cho phép, có 1/11 chỉ tiêu không có trong quy chuẩn so sánh.

1.4. Kết quả quan trắc môi trường không khí

❖ **Môi trường không khí tại khu vực làm việc**

Bảng 5. 4. Kết quả phân tích môi trường không khí tại khu vực làm việc

Kí hiệu	Kết quả							
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023
	Tổng bụi lơ lửng ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)		CO ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)		NO ₂ ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)		SO ₂ ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	
K1.1	62	70	KPH	KPH	20	22	44	47
K1.2		72	KPH	KPH		19		42
K2.1	66	76	KPH	KPH	25	27	58	62
K2.2		78	KPH	KPH		27		60
K4.1	76	73	KPH	KPH	31	29	66	65
K4.2		90	KPH	KPH		32		68
QCVN 02:2019/BYT	80.000		-		-		-	
QCVN 03:2019/BYT	-		40.000		10.000		10.000	

(Nguồn Báo cáo công tác BVMT năm 2022, 2023)

Nhận xét: Tại thời điểm đo đạc năm 2022, 2023 các chỉ tiêu môi trường không khí xung quanh so với QCVN 02:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT cho thấy các chỉ tiêu nằm trong quy chuẩn cho phép

Bảng 5. 5 . Kết quả đo đạc môi trường vi khí hậu và độ ồn tại khu vực làm việc

Kết quả thử nghiệm	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023
	Độ ồn (dBA)		Nhiệt độ (°C)		Độ ẩm (%)		Tốc độ gió (m/s)		Ánh sáng (Lux)		Độ rung (m/s ²)	
K1.1	69,4	69,2	31,1	31,2	63,5	63,7	0,4	0,6	388	394	0,04	0,9
K1.2		69,6		29,0		77,3		0,6		392		0,09
K2.1	68,6	68,7	31,6	31,5	63,4	63,6	0,4	0,6	272	278	0,06	0,12
K2.2		68,9		29,5		77,3		0,6		276		0,12
K4.1	63,3	63,5	31,3	31,1	63,7	63,5	0,6	0,5	ASTN	ASTN	KPH	KPH
K4.2		63,5		29,1		77,5		1,2		ASTN		KPH
QCVN 22:2016/BYT	-		-		-		-		≥ 200		-	
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85		-		-		-		-		-	
QCVN 26:2016/BYT	-		18 – 32		40 – 80		-		-		-	

(Nguồn Báo cáo công tác BVMT năm 2022, 2023)

Nhận xét: Tại thời điểm đo đạc năm 2022, 2023 kết quả đo đạc môi trường vi khí hậu và độ ồn tại khu vực làm việc so với QCVN 22:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT và QCVN 26:2016/BYT cho thấy các chỉ tiêu nằm trong quy chuẩn cho phép

Bảng 5. 6. Kết quả đo đạc môi trường không khí xung quanh

Kết quả thử nghiệm	Thông số							
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023
	Tổng bụi lơ lửng ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)		CO ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)		NO ₂ ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)		SO ₂ ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	
K3.1	84	80	KPH	KPH	29	30	62	68
K3.2		88		KPH		29		65
QCVN 05:2013/ BTNMT (Trung bình 1h)	300		30.000		200		350	

(Nguồn Báo cáo công tác BVMT năm 2022, 2023)

Nhận xét: Tại thời điểm đo đạc năm 2022, 2023 kết quả đo đạc môi trường không khí xung quanh so với QCVN 05:2013/ BTNMT (Trung bình 1h) cho thấy các chỉ đều nằm trong quy chuẩn cho phép

Bảng 5. 7. Kết quả đo đạc môi trường vi khí hậu và độ ồn

Kết quả thử nghiệm	Thông số											
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023
	Độ ồn (dBA)		Nhiệt độ (°C)		Độ ẩm (%)		Tốc độ gió (m/s)		Ánh sáng (Lux)		Độ rung (m/s ²)	
K3.1	65,2	66,7	31,7	31,6	63,3	63,4	-	0,9	ASTN	ASTN	0,8	KPH
K3.2		65,7		29,6		77,2		0,9				ASTN
QCVN 26:2010/ BTNMT (từ 6 – 18h)	70		-		-		-		-		-	

(Nguồn Báo cáo công tác BVMT năm 2022, 2023)

Nhận xét: Tại thời điểm đo đạc năm 2022, 2023 kết quả đo đạc môi trường vi khí hậu và độ ồn so với QCVN 26:2010/

BTNMT(từ 6 – 18h) cho thấy các chỉ đều nằm trong quy chuẩn cho phép

Bảng 5. 8. Kết quả đo đạc điện từ trường tại nhà máy

Kết quả thử nghiệm	Thông số							
	Năm 2022		Năm 2023					
	Điện trường (V/m)		Từ trường (mG)					
KK1.1	0,064		0.061		0,138		0.131	
KK1.2			0.060				0.132	
KK2.1	1.606		1.603		0,340		0.337	
KK2.2			1.600				0.335	
KK3.1	7.915		7.910		0,441		0.436	
KK3.2			7.912				0.439	
KK4.1	11.082		11.076		0,714		0.710	
KK4.2			11.079				0.713	
KK5.1	1.693		1.688		0,240		0.234	
KK5.2			1.686				0.232	
KK6.1	1.890		1.891		0,351		0.347	
KK6.2			1.883				0.343	
QCVN 21:2016/BYT	≤ 25.000V/m				≤ 2000 mG			

(Nguồn Báo cáo công tác BVMT năm 2022, 2023)

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

Nhận xét: Tại thời điểm đo đạc năm 2022, 2023 kết quả đo đạc điện từ trường tại nhà máy so với QCVN 21:2016/BYT

cho thấy các chỉ đều nằm trong quy chuẩn cho phép.

2. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

Bảng 5. 9. Vị trí lấy mẫu nước mặt

STT	Vị trí lấy mẫu	Kí hiệu	Thời gian lấy mẫu	Hệ tọa độ VN2000	
				X (m)	Y(m)
1	Tại suối Trà Xom	NM1	26/9/2024	1.580.232	551.292

Bảng 5. 10. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-2023/BTNMT, cột B (Bảng 2)
1	TSS	mg/l	<2,62	≤ 100
2	COD	mg/l	<5,0	≤ 15
3	BOD5	mg/l	<3,0	≤ 6
4	Tổng N	mg/l	<0,02	≤ 1,5
5	Tổng P	mg/l	<0,06	≤ 0,3
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	240	≤ 5.000

Nhận xét: Từ kết quả phân tích các chỉ tiêu nước mặt khi so sánh với QCVN 08-2023/BTNMT, cột B (Bảng 2) cho thấy: các chỉ tiêu có giá trị nằm trong giới hạn cho phép.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm HTXL nước thải không quá 6 tháng kể từ thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm, cụ thể:

Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 3 tháng

STT	Tên công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Dự kiến công suất
1.	HTXL nước thải	Tháng 02/2025	Tháng 4/2025	3 m ³ /ng.đ

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Theo khoản 5, điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022, chủ Nhà máy dự kiến quan trắc 04 mẫu đơn/hệ thống (gồm 01 mẫu trước xử lý và 03 mẫu sau xử lý) trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý, dự kiến khoảng thời gian quan trắc như sau:

Bảng 6. 2: Dự kiến kế hoạch quan trắc chất thải của Nhà máy

Công trình	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Chỉ tiêu	Quy chuẩn so sánh
HTXL nước thải	15-17/4/2025	- Nước thải đầu vào: Tại hồ gom tập trung. - Nước thải sau xử lý: đầu ra của HTXLNT	pH, BOD ₅ , TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Amoni, Nitrat, Photphat, Sunfua, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliforms	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2).

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch: Trung Tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Theo điều 111, Luật Bảo vệ môi trường 2020, hoạt động Nhà máy không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: Không có

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Bảng 6. 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hằng năm

TT	Nội dung thực hiện	Tần suất	Chi phí hàng năm (VNĐ)
01	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường	1 lần/năm	8.000.000
	Tổng cộng		8.000.000

(Ghi chú: Giá chi phí trên chỉ mang tính chất tương đối trong quá trình tính toán sơ bộ)

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong năm 2022- 2023, Công ty không có đoàn kiểm tra, thanh tra về môi trường.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

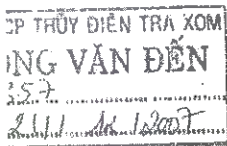
Chủ Nhà máy cam kết tính chính xác của các số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Cam kết thực hiện các biện pháp, giải pháp bảo vệ môi trường như đã nêu trong báo cáo, cụ thể:

- + Đảm bảo các nguồn thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.
- + Đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC theo đúng quy định Nhà nước.
- + Cam kết thực hiện hồ sơ, chứng từ thu gom chất thải nguy hại, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.
- + Cam kết thực hiện đúng các quy định pháp luật về BVMT.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động của Nhà máy nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường./.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Nhà máy: Nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW
tại xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh- Công ty CP thủy điện Trà Xom.

PHỤ LỤC BÁO CÁO



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3055/QĐ-CTUBND

Quy Nhơn, ngày 21 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Trà Xóm.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 9/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên Môi trường tại văn bản số 2003/TTr - STNMT ngày 30/11/2007;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Trà Xóm.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung nêu trong Báo cáo ĐTM và những yêu cầu bắt buộc sau:

1. Thông báo bằng văn bản cho chính quyền địa phương biết về nội dung quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM.

2. Thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát môi trường như đã đề xuất trong báo cáo ĐTM, cập nhật, lưu trữ số liệu giám sát; công khai số liệu, thông tin môi trường của dự án để nhân dân địa phương theo dõi, giám sát, kiểm tra

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc kiểm tra, giám sát các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 3. Báo cáo ĐTM của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Trà Xóm và những yêu cầu bắt buộc nêu trên là cơ sở để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu có thay đổi về nội dung của báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện nội dung thay đổi đó sau khi được sự chấp thuận của UBND tỉnh Bình Định bằng văn bản.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./..

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- CT các PCT UBND tỉnh;
- Chủ dự án;
- UBND huyện VT;
- UBND các xã: Vĩnh Hào, Vĩnh Sơn;
- Lưu VT, K4, K6;



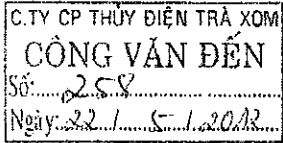
Nguyễn Văn Thiện

Số: 1024/QĐ-CTUBND

Bình Định, ngày 21 tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường bổ sung của
Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Trà Xom**



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 04/07/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ủy quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 809/TTr-STNMT ngày 02/5/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) bổ sung của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Trà Xom của Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom (sau đây gọi là chủ Dự án).

Điều 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung được nêu trong báo cáo ĐTM bổ sung và một số yêu cầu bắt buộc sau:

1. Có văn bản báo cáo UBND huyện Vĩnh Thạnh, UBND xã Vĩnh Sơn và xã Vĩnh Hào về nội dung quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM bổ sung, kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt.

2. Niêm yết công khai số liệu, thông tin môi trường của dự án tại UBND xã Vĩnh Sơn và xã Vĩnh Hào để chính quyền và nhân dân theo dõi, giám sát.

3. Thu gom và xử lý chất thải rắn, nước thải trong giai đoạn xây dựng và vận hành dự án đảm bảo theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

4. Có biện pháp thu gom và xử lý đất đá thải trong quá trình xây dựng, không để xảy ra các sự cố sạt lở ảnh hưởng đến môi trường.

5. Thực hiện các biện pháp hạn chế tiếng ồn trong quá trình hoạt động dự án theo đúng quy định.

6. Thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn và vệ sinh lao động cho người lao động.

7. Phối hợp với các cơ quan chức năng trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

8. Cam kết lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành các nội dung trong báo cáo ĐTM bổ sung và chỉ được phép vận hành khi được cấp giấy xác nhận.

Điều 3. Chủ dự án phải tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo ĐTM bổ sung đã được phê duyệt, các yêu cầu của Quyết định này và báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3055/QĐ-CTUBND ngày 21/12/2007 theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, ĐTM và cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 4. Báo cáo ĐTM bổ sung của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án.

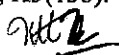
Điều 5. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của Báo cáo ĐTM bổ sung được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định.

Điều 6. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo ĐTM bổ sung đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2, Điều 3 của Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN & MT (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TN & MT; CA tỉnh;
- UBND huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã Vĩnh Sơn;
- UBND xã Vĩnh Hảo;
- Lưu: VT, K3(13b).





Hồ Quốc Dũng

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 4100605687

Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 05 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 30 tháng 08 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TRÀ XOM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRA XOM HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TRÀ XOM HJSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn K8, Xã Vĩnh Sơn, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0256.6544393 - 0983 103899

Fax: 0256.3884236

Email: congtythuydientraxom@gmail.com Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 325.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm hai mươi lăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 32.500.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐINH THẾ GIỚI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/06/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 054079007284

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phước Lâm, Phường Hòa Hiệp Bắc, Thị xã Đông Hoà, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phước Lâm, Phường Hòa Hiệp Bắc, Thị xã Đông Hoà, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

SỐ 35.101.000.025.....

NGÀY CẤP 02/5/2007.....

HCĐ-13/02/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 35 101 000025

Chứng nhận lần đầu: Ngày 02 tháng 5 năm 2007

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: Ngày 13 tháng 02 năm 2014

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Xét hồ sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom và đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 88/SKHĐT-TTXX ngày 23/01/2014,

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chứng nhận: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TRÀ XOM**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, 278 Nguyễn Thị Định, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 0563 546788

Fax: 056 3546788

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100605687, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 19/5/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28/5/2013.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Kim Thành

Ngày sinh: 29/4/1974.

Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc

Chứng minh nhân dân số: 171559466 do Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 20/7/2000.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 7, xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN TRÀ XOM

Điều 2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

Mục tiêu: xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện Trà Xom

Công suất: 20 MW

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án:

Xã Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim và Vĩnh Hào, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

Diện tích đất dự kiến sử dụng: 381,57 ha (Theo bảng kê chi tiết diện tích của Văn phòng sử dụng đất tỉnh Bình Định)

Điều 4. Tổng vốn đầu tư: 644.102.655.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi bốn tỷ một trăm lẻ hai triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn đồng)

Điều 5. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án:

- Tháng 01/2008: Khởi công xây dựng
- Tháng 6/2014: Hoàn thành và đưa vào hoạt động

Nhà đầu tư khi triển khai thực hiện dự án đầu tư có xây dựng công trình phải tuân theo quy định của pháp luật về quản lý xây dựng.

Thực hiện các thủ tục và biện pháp bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và an toàn lao động theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nhà đầu tư thực hiện dự án không đúng tiến độ cam kết sẽ bị xem xét thu hồi Giấy Chứng nhận đầu tư.

Nhà đầu tư định kỳ quý, năm báo cáo tình hình thực hiện dự án theo Khoản 5, Điều 80 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Biểu mẫu chi tiết được quy định tại Thông tư 04/2011/TT-BKHĐT ngày 31/3/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 7. Các ưu đãi đối với dự án:

Dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn -- Theo khoản 1 và khoản 2 Điều 22 Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Điều 34 và Điều 35 Nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

a) Mức thuế suất và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được hưởng thuế suất 10% trong thời hạn 15 (mười lăm) năm đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Được miễn thuế 4 (bốn) năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 (chín) năm tiếp theo đối với dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Miễn thuế nhập khẩu: Dự án được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định theo khoản 6, Điều 16, Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

c) Miễn, giảm tiền thuê đất: Dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được miễn tiền thuê đất trong 15 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động theo điểm 4, Điều 14, Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Doanh nghiệp chỉ được hưởng các ưu đãi tại Điều 7 Giấy Chứng nhận này khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện do pháp luật quy định.

Điều 8. Giấy chứng nhận đầu tư này thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 35 101 000025 do UBND tỉnh cấp lần đầu ngày 02/5/2007 và thay đổi lần thứ nhất ngày 07/5/2012 và được lập thành 02 bản gốc: 01 bản cấp cho nhà đầu tư, 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư; sao gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh, Cục Thuế tỉnh, các Sở: Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Vĩnh Thạnh./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



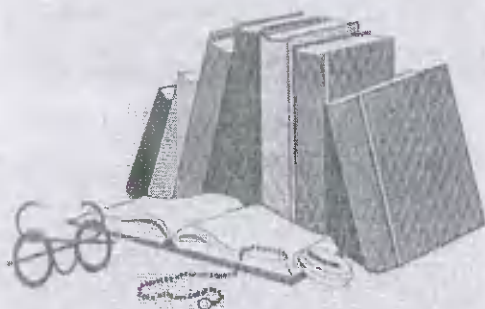
**KT. CHỦ TỊCH
PHỤ CHỦ TỊCH**

Hồ Quốc Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN TRÀ XOM
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TRÀ XOM
TẠI VĨNH SƠN VÀ XÃ VĨNH HẢO – HUYỆN VĨNH THẠNH – TỈNH BÌNH ĐỊNH



Số 34 /HD-TĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **31** /HĐ-TĐ

Bình Định, ngày **15** tháng **3** năm **2017**

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyên mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 4808/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc cho Công ty cổ phần Thủy điện Trà Xom thuê đất đang sử dụng để xây dựng công trình thủy điện Trà Xom tại xã Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo, huyện Vĩnh Thạnh;

Theo Thông báo số 198/TB-CCT ngày 10/3/2017 của Cục Thuế tỉnh về đơn giá thuê đất;

Hôm nay, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định, chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT: UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH (BÊN A):

Do ông : Đặng Trung Thành

Chức vụ : Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện

Trụ sở : Số 08 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

II. BÊN THUÊ ĐẤT: CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN TRÀ XOM (BÊN B):

Do ông : Trần Quang Hiện

Chức vụ : Giám đốc Công ty làm đại diện

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4100605687 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 05/4/2016 (Đăng ký thay đổi lần thứ 7))

Trụ sở chính: Thôn K8, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định

III. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN SAU ĐÂY:

Điều 1. Bên A cho Bên B thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất: 533.483,6 m² (Năm trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi ba phẩy sáu mét vuông) đất thuộc xã Vĩnh Sơn (diện tích: 486.816,8 m²) và xã Vĩnh Hảo (diện tích: 46.666,8 m²), huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo các tờ Bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký QSD đất tỉnh (nay là Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Định) lập ngày 11/9/2014.

Mu

3. Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 01/01/2008.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: xây dựng công trình Thủy điện Trà Xom.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá tính tiền thuê đất hàng năm là: 68 đồng/m²/năm (Sáu mươi tám đồng trên một mét vuông trong một năm).

Thời gian ổn định đơn giá thuê đất: kể từ ngày 26/12/2016 đến ngày 25/12/2021, áp dụng cho kỳ tính thuế từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2021.

Khi hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất, Công ty cổ phần Thủy điện Trà Xom có trách nhiệm đề nghị Cục Thuế điều chỉnh đơn giá thuê đất theo quy định.

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 26/12/2016.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Nộp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Nộp tại Kho bạc nhà nước huyện Vĩnh Thạnh, một năm hai lần:

- Lần đầu nộp 50% trước ngày 31/5 hàng năm;

- Lần sau nộp 50% trước ngày 31/10 hàng năm.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên A bảo đảm việc sử dụng đất của Bên B trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên B bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên B bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của bên B trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên B trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên A trả lời cho Bên B trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận. *Trần Đức*

MU

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mãi tài sản hoặc giải thể.

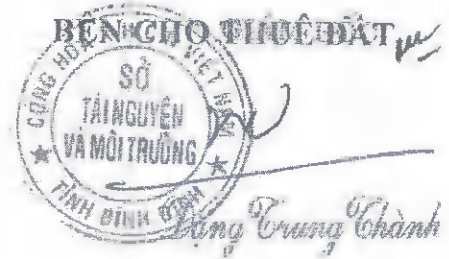
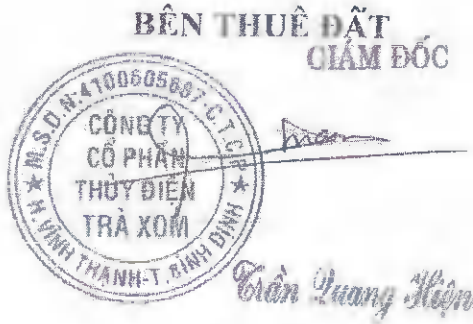
4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến Cục thuế tỉnh Bình Định, Kho bạc Nhà nước huyện Vĩnh Thạnh.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *Trần Quang Hiệp*



Số 4808/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 26 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom thuê đất đang sử dụng để xây dựng công trình Thủy điện Trà Xom tại xã Vinh Sơn và xã Vinh Hảo, huyện Vinh Thạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Xét hồ sơ xin thuê đất của Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1067/TT-STNMT ngày 20/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom (địa chỉ: Tầng 3, số 778 Nguyễn Thị Định, phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định) thuê 533.183,6m² đất, bao gồm: đất trồng lúa khác 3.695,8m², đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác 92.737,2m², đất trồng cây lâu năm 54.942,4m², đất rừng sản xuất 332.144,4m², đất ở nông thôn 579,4m², đất sông suối và mặt nước chuyên dùng 18.882m², đất giao thông 521,2m², đất chưa sử dụng 29.981,2m² để sử dụng vào mục đích xây dựng công trình Thủy điện Trà Xom. Cụ thể phân bố tại các xã như sau:

- Xã Vinh Sơn: diện tích 486.816,8m², bao gồm: đất trồng lúa khác 3.695,8m²; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác 58.677,2m²; đất trồng cây lâu năm 50.802,2m²; đất rừng sản xuất 332.144,4m²; đất ở nông thôn 579,4m²; đất giao thông 53,2m²; đất sông suối và mặt nước chuyên dùng 17.896,4m²; đất chưa sử dụng 22.968,2m², thuộc tờ bản đồ địa chính số: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 13, 14, 16, 22, 23, 27, 28, 34, 35, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68; Khoảnh 1, 2, 3, 4 (Tiểu khu 124); Khoảnh 2, 3 (Tiểu khu 145); Khoảnh 3 (Tiểu khu 142); Khoảnh 5 (Tiểu khu 126), Khoảnh 4 (Tiểu khu 125B); Khoảnh 2 (Tiểu khu 143); Khoảnh 3 (Tiểu khu 135) - bản đồ đất lâm nghiệp.

Xã Vĩnh Hảo; diện tích 46.000,81m², bao gồm: đất nông nghiệp hàng năm khác 34.060m²; đất trồng cây lâu năm 1.102m²; đất giao thông 468m²; đất sông suối 985,6m²; đất bãi bồi, sử dụng 40.30m²; trước đây là đất chính số: 52, 56, 57, 58, 59.

Thời hạn cho thuê đất: 50 năm, kể từ ngày 01/01/2008.

Vị trí, ranh giới khu đất xác định theo các tờ bản đồ địa chính tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh (nay là Văn phòng Đăng ký đất đai) lập ngày 11/9/2014.

Hình thức thuê đất: thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

- Thông báo cho Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom nộp tiền thuê đất và lệ phí theo quy định của pháp luật;

- Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;

- Ký hợp đồng thuê đất với Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom;

- Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom sau khi đã nộp phí, lệ phí theo quy định.

- Chính lý hồ sơ địa chính;

- Cung cấp thông tin để Cục Thuế tỉnh xác định tiền thuê đất đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Thạnh, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Sơn, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Hảo, Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Trang thông tin điện tử của Văn phòng UBND tỉnh. / k

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PCT UBND tỉnh: Trần Châu;
- PA PKN;
- TT Công báo;
- Lưu VT, K4, K2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu

Số: 198 /TB-CT

Bình Định, ngày 10 tháng 3 năm 2017

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH ĐỊNH	
Số.....	KC.16
Ngày.....	10/3/2017
ĐEN	
Chuyến.....	
MST: 4100605687	

THÔNG BÁO
Về đơn giá thuê đất

Kính gửi: Công ty cổ phần Thủy điện Trà Xom -
Địa chỉ: thôn K8, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

Căn cứ Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 4808/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc cho Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom thuê đất đang sử dụng để xây dựng công trình Thủy điện Trà Xom tại xã Vĩnh Sơn và xã Vĩnh Hào, huyện Vĩnh Thạnh;

Căn cứ Công văn số 178/STNMT-CCQLDD ngày 21/02/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xác định vị trí khu đất thuê xây dựng công trình Thủy điện Trà Xom tại xã Vĩnh Sơn và xã Vĩnh Hào, huyện Vĩnh Thạnh;

Căn cứ Phiếu chuyển số 31/PC/TĐC ngày 03/3/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định cho Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom;

Căn cứ Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 22/9/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định tỷ lệ % để tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành bảng giá các loại đất năm 2015 (định kỳ 5 năm) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 66/2016/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh, bổ sung bảng giá các loại đất năm 2015 (định kỳ 5 năm) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Cục Thuế tỉnh Bình Định thông báo đơn giá thuê đất như sau:

- Địa chỉ thửa đất thuê: xã Vĩnh Sơn và xã Vĩnh Hào, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định

100
13/3

111

- Vị trí thửa đất: huyện miền núi
- Loại đường: khu vực 6
- Diện tích đất thuê 533.483,6 m². Trong đó: diện tích phải nộp tiền thuê đất 533.483,6 m², diện tích không phải nộp tiền thuê đất 0 m².
- Thời hạn thuê đất là: kể từ ngày 01/01/2008 đến ngày 01/01/2058.
- Hình thức nộp tiền thuê đất: trả tiền thuê đất hàng năm.
- Đơn giá thuê đất: 68 đồng/m²/năm.
- Thời gian ổn định đơn giá thuê đất: kể từ ngày 26/12/2016 đến ngày 25/12/2021, áp dụng cho kỳ tính thuế từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2021.

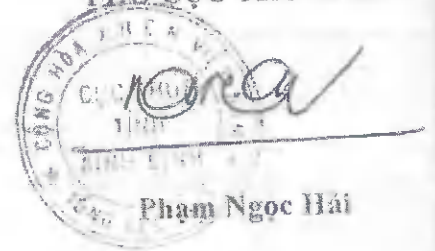
Khi hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất, Công ty Cổ phần Thủy điện Tam Xom có trách nhiệm đề nghị Cục Thuế điều chỉnh đơn giá thuê đất theo quy định.

Đơn giá thuê đất, thuế mặt nước tại Thông báo này được ghi vào Hợp đồng thuê đất và là căn cứ xác định số tiền thuê đất được miễn theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm cho thuê đất. / *Q*

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPDK ĐĐ tỉnh BD;
- Chi cục Thuế huyện Vĩnh Thạnh;
- Lưu VT, THNVDT (3b).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty cổ phần Thủy điện Trà Xôm

Giấy chứng nhận DKDN số: 4100605687, ngày 05 tháng 4 năm 2016,

do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn K8, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

CG 634688

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất :

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
-/-	-/-	xã Vinh Sơn, huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định	486.816,8	Sử dụng riêng	Đất công trình năng lượng (xây dựng Thủy điện Trà Xom)	Đến ngày 01/01/2058	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
-/-	-/-	xã Vinh Hào, huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định	46.666,8				

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Số hiệu thửa đất chưa được xác định theo bản đồ địa chính.
- Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số 4808/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định./.

Bình Định, ngày 13 tháng 3 năm 2017
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

TUQ. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Đặng Trung Thành

Số vào sổ cấp GCN: CT05676

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo các tờ Bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký QSD đất tỉnh Bình Định (nay là Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Định) lập ngày 11/9/2014./

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Bản chỉnh giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở
tên bản khai gắn liền với đất được lưu
tại Chi nhánh NHPT Bình Định

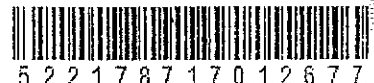
Quyết định ngày 24/09/2020
của NHPT Bình Định



PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH

Nguyễn Thị Trinh Lương

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG

Số: **SL/2022/HĐKT**

(V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của 2 Bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 01 năm 2022, chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TRÀ XOM

Đại diện : Ông Đinh Thế Giới Chức vụ: Giám Đốc

Địa chỉ : Thôn K8, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định

Số điện thoại : 02566544393

Mã số thuế : 4100605687

Mã số QLCTNH : 52.000146.T

Số tài khoản : 58110000053805 Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Bình Định – Chi nhánh Phú Tài.

BÊN B : CÔNG TY TNHH TM & MT HẬU SANH

Đại diện : Ông Nguyễn Văn Hậu Chức vụ: Giám Đốc

Địa chỉ : 19 Bà Huyện Thanh Quan, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số điện thoại : 02563 894979

Mã số thuế : 4100824110

Mã số QLCTNH : 3 – 4.101.VX

Số tài khoản : 4301238056789 tại Ngân hàng Agribank Quy Nhơn
0051000430560 Tại Ngân hàng Vietcombank Bình Định

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung công việc phải thực hiện.

Bên B nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) cho Bên A đúng theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và hướng dẫn của Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

1.1. Địa điểm thu gom: Nhà máy thủy điện Trà Xom - Thôn K8, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định

1.2. Loại chất thải hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	ĐVT
01	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Kg
02	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg
03	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Kg
04	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải (thiết bị máy tính, card điện tử...)	16 01 13	Kg
05	Dầu thủy lực tổng hợp thải (dầu ISO VG 46)	17 01 06	Kg
06	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải (dầu máy biến áp)	17 03 04	Kg
07	Giẻ lau dính dầu thải, Chất hấp thụ dầu thải	18 02 01	Kg
08	Ắc quy chì thải	19 06 01	Kg
09	Thiết bị có chứa dầu TI, TU	19 07 01	Kg

1.3. Phương tiện: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng.

1.4. Thời gian dự kiến thu gom: tháng 05 hàng năm

1.4.1. Khi có nhu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH Bên A phải thông báo cho Bên B trước 5 ngày để Bên B triển khai việc thu gom.

1.4.2. Trường hợp nếu Bên A không thông báo cho Bên B yêu cầu thu gom thì Bên B sẽ thông báo lịch thu gom cho Bên A, nếu phù hợp thì tiến hành giao nhận CTNH cần vận chuyển, xử lý. Thời gian thông báo: 05 ngày.

1.5. Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH: 01 lần/năm.

Điều 2. Giá trị Hợp đồng và phương thức thanh toán.

2.1. Giá trị Hợp đồng được xác định.

2.1.1. Trường hợp khối lượng CTNH cần thu gom, vận chuyển và xử lý của Bên A \leq 200 kg/01 lần, thì có đơn giá là **7.000.000 đồng** (Bảy triệu đồng). Trường hợp khối lượng CTNH của Bên A cần thu gom, vận chuyển và xử lý $>$ 200 kg/01 lần, thì từ kg 201 trở đi sẽ có đơn giá là **25.000 đồng/kg** (hai mươi lăm nghìn đồng).

2.1.2. Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT

2.2. Phương thức thanh toán.

2.2.1. Cơ sở thanh toán: Căn cứ vào khối lượng CTNH thu gom, vận chuyển và xử lý mà xác định giá trị theo Khoản 2.1 Điều này.

2.2.2. Hai bên sẽ lập hồ sơ giao nhận chất thải để làm cơ sở hai bên thanh quyết toán Hợp đồng.

2.2.3. Phương thức thanh toán: chuyển khoản hoặc tiền mặt.

2.3. Thời gian thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ khi Bên A nhận được đầy đủ chứng từ và hóa đơn tài chính của Bên B.

Điều 3. Hiệu lực Hợp đồng.

- Ngày bắt đầu hợp đồng: 20/01/2022.

- Ngày kết thúc hợp đồng: 20/01/2023.

- Hợp đồng được tự động gia hạn hiệu lực từng năm một nếu như một trong hai bên không có văn bản gửi bên kia trước 15 ngày so với ngày hết hạn của hợp đồng và được bên kia xác nhận.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên.

4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A.

4.1.1. Ký, đóng dấu vào tất cả các liên chứng từ CTNH để xác nhận việc đã thống nhất kê khai chính xác trước khi tiến hành chuyển giao CTNH cho Bên B.

4.1.2. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo khối lượng CTNH vận chuyển và xử lý.

4.1.3. Bên A có trách nhiệm phân loại, đóng bao, lưu chứa chất thải nguy hại trong kho lưu chứa CTNH theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015.

4.1.4. Trường hợp có sự thay đổi về thành phần CTNH, Bên A phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên B được biết để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cũng như bố trí phương tiện thu gom, vận chuyển cho phù hợp.

4.1.5. CTNH phải được bên A kiểm soát từ nguồn thải, tuyệt đối không được trộn lẫn các chất thải với nhau và thực hiện theo hướng dẫn thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2015.

4.1.6. Bên A có trách nhiệm hỗ trợ và tạo điều kiện cùng với Bên B bốc xếp CTNH lên phương tiện vận chuyển của Bên B tại kho lưu chứa CTNH của Bên A.

4.1.7. Bên A tự chịu trách nhiệm đối với các CTNH không bàn giao cho Bên B vận chuyển và xử lý theo Hợp đồng này.

4.1.8. Hàng năm, Nếu Bên A không thực hiện bàn giao CTNH cho Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý, thì Bên A vẫn phải thanh toán chi phí 7.000.000 đồng để làm cơ sở thực hiện Hợp đồng.

4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B.

4.2.1. Đảm bảo vận chuyên, lưu giữ và xử lý CTNH theo đúng các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về bảo vệ môi trường, đồng thời chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra.

4.2.2. Cung cấp cho Bên A các giấy phép vận chuyển và xử lý CTNH.

4.2.3. Vận chuyển, xử lý CTNH đúng địa điểm và thời gian quy định.

4.2.4. Bên B có trách nhiệm phối hợp với Bên A cùng bốc xếp CTNH lên phương tiện vận chuyển tại kho lưu chứa CTNH của Bên A.

4.2.5. Thông tin đầy đủ cho Bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình vận chuyển, xử lý CTNH.

4.2.6. Cùng Bên A xác định khối lượng CTNH được thu gom, vận chuyển và xử lý để làm cơ sở thanh toán.

Điều 5. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp.

5.1. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp phát sinh hoặc có liên quan tới Hợp đồng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết trên tinh thần xây dựng.

5.2. Trường hợp không đạt thỏa thuận giữa các bên, thì trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên có quyền đệ đơn trình lên tòa án kinh tế tỉnh Bình Định để xử lý theo pháp luật. Quyết định của tòa án kinh tế tỉnh Bình Định là quyết định cuối cùng và tính chất bắt buộc với các bên. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp do bên có lỗi chịu trách nhiệm giải quyết.

Điều 6. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng.

6.1. Tạm dừng thực hiện Hợp đồng.

6.1.1. Các trường hợp tạm dừng Hợp đồng: Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra; các trường hợp bất khả kháng hoặc các trường hợp khác do hai Bên thỏa thuận.

6.1.2. Một Bên có quyền quyết định tạm dừng Hợp đồng do lỗi Bên kia gây ra, nhưng phải báo cho Bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết; trường hợp Bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Bên bị thiệt hại. Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng Hợp đồng hai Bên sẽ thỏa thuận để khắc phục.

6.2. Chấm dứt Hợp đồng.

Vì lý do chưa thể lường trước được, Bên A có thể phải hủy bỏ hợp đồng nếu trường hợp này xảy ra thì Bên A sẽ thông báo trước 30 ngày cho Bên B bằng văn bản. Trong trường hợp này, bên A sẽ chịu trách nhiệm thanh toán bồi thường cho bên B các khoản sau:

- Số dư chưa thanh toán cho phần công việc mà bên B đã thực hiện xong;
- Tất cả các chi phí mà bên B phải trả khi thực hiện các nội dung công việc đến thời điểm nhận thông báo hủy hợp đồng của bên A;

Tất cả số tiền cần thiết phải trả và các chi phí hành chính hợp lệ mà bên B phải chịu có liên quan đến sự hủy hợp đồng.

Điều 7. Điều khoản chung.

7.1. Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến Hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

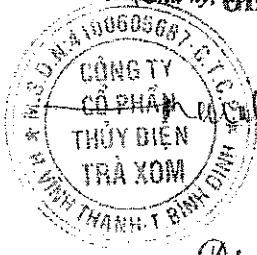
7.2. Nếu có thay đổi, các bên phải báo cáo lại cho nhau trước bằng văn bản, bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chủ nguồn tài xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

....., ngày 27 tháng 09 năm 2023

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



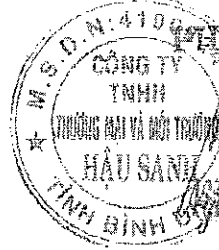
Dinh Thế Giới

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 10 năm 2023

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



TRẦN GIAM ĐỐC

Nguyễn Thị Bích Liên

@Liên số 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú: (Ghi rõ trong trường hợp lỗ CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH BÌNH ĐỊNH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3387/2023/3-4.101.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1	: CÔNG TY TNHH TM & MT HẬU SANH	Mã số QLCTNH	: 3-4.101.VX
Địa chỉ văn phòng	: Số 19 đường Bà Huyện Thanh Quan, Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	SĐT	: 0256.3894979
Địa chỉ cơ sở/dại lý	: Lô D4 và một phần lô B3 thuộc khu xử lý chất thải rắn KKT Nhơn Hội, Xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	SĐT	: 0914462834
2 Chủ CS DV XL CTNH 2	:	Mã số QLCTNH	:
Địa chỉ văn phòng	:	SĐT	:
Địa chỉ cơ sở	:	SĐT	:
3. Chủ nguồn thải	: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TRÀ XOM	Mã số QLCTNH	: 52.000146.T
Địa chỉ văn phòng	: Thôn K8, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định	SĐT	: 0256 6544393
Địa chỉ cơ sở	: Nhà máy thủy điện Trà Xom - Thôn K8, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định	SĐT	: 0256 6544393

4. Kế khai CTNH chuyển giao

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	✓			08 02 04		
02	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	3	SC, HR
03	Các loại dầu mỡ thải		✓		16 01 08	100	TC, TĐ, ĐX
04	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	✓			16 01 13	47	PT, TĐ
05	Dầu thủy lực tổng hợp thải		✓		17 01 06		
06	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải		✓		17 03 04		
07	Giẻ lau dính dầu thải. Chất hấp thụ dầu thải	✓			18 02 01	20	PHỐI TRỘN, TĐ, HR
08	Ấc quy chì thải	✓			19 06 01		
09	Thiết bị có chứa dầu TI, TU	✓			19 07 01		
Tổng:						170	

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (tận thu/ tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kín); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất nhập khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu : Cửa khẩu nhập :

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất :

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển:

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Sĩ T. Thuận Ký: [Ký] Ngày: 27/09/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

....., ngày ... tháng ... năm 2022

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC



Dinh Thế Giới

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Quy Nhơn, ngày ... tháng ... năm 2022

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Bích Liên

@Liên số 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú: (Ghi rõ trong trường hợp lỗ CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH BÌNH ĐỊNH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2441 / 2022/ 3-4.101.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1	: CÔNG TY TNHH TM & MT HẬU SANH	Mã số QLCTNH : 3-4.101.VX
Địa chỉ văn phòng	: Số 19 đường Bà Huyện Thanh Quan, Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	SĐT : 0256.3894979
Địa chỉ cơ sở/đại lý	: Lô D4 và một phần lô B3 thuộc khu xử lý chất thải rắn KKT Nhơn Hội, Xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	SĐT : 0914462834
2 Chủ CS DV XL CTNH 2	:	Mã số QLCTNH :
Địa chỉ văn phòng	:	SĐT :
Địa chỉ cơ sở	:	SĐT :
3. Chủ nguồn thải	: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TRÀ XOM	Mã số QLCTNH : 52.000146.T
Địa chỉ văn phòng	: Thôn K8, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định	SĐT : 0256 6544393
Địa chỉ cơ sở	: Nhà máy thủy điện Trà Xom - Thôn K8, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định	SĐT :

4. Kê khai CTNH chuyển giao

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	✓			08 02 04		
02	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	16	SC, HR
03	Các loại dầu mỡ thải		✓		16 01 08	140	TĐ, HR
04	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải (thiết bị máy tính, card điện tử...)	✓			16 01 13		
05	Dầu thủy lực tổng hợp thải (dầu ISO VG 46)		✓		17 01 06		
06	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải (dầu máy biến áp)		✓		17 03 04		
07	Giẻ lau dính dầu thải, Chất hấp thụ dầu thải	✓			18 02 01	44	PHỐI TRỘN, TĐ, HR
08	Ắc quy chì thải	✓			19 06 01		
09	Thiết bị có chứa dầu TI, TU	✓			19 07 01		
- Tổng:							

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (tận thu/ tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất nhập khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu	:	Cửa khẩu nhập	:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng	:	Cửa khẩu xuất	:
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển:				
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:	<i>Trần D. A. Nguyễn</i>	Ký: <i>.....</i>	Ngày: 5/8/2022	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:	Ký: <i>.....</i>	Ngày:	

7.3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã quy định trong Hợp đồng này.

7.4. Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi Bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

7.5. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, Bên A không được ký Hợp đồng với đối tác khác về việc vận chuyển, xử lý CTNH.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Dinh Thế Lữ

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hậu



QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án Ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa
Công trình Thủy điện Trà Xom**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 16/1/2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23/11/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 18/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom tại Công văn số 45/TT-TX ngày 04/6/2024 về việc phê duyệt Phương án ứng phó tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa Công trình Thủy điện Trà Xom năm 2024 và đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo số 503/BC-KT&HT ngày 29/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án Ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa Thủy điện Trà Xom năm 2024 do Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom lập tháng 6 năm 2024 (gồm 2 tập: Phương án Ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa Công trình Thủy điện Trà Xom; Báo cáo kết quả tính toán).

(Có Phương án kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Phương án Ứng phó với tình huống khẩn

cấp đập, hồ chứa Công trình Thủy điện Trà Xom năm 2024 đã được phê duyệt tại Điều 1 và tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý an toàn đập, hồ chứa.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Vĩnh Thạnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao đôn đốc, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Phương án nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; các Trưởng phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường huyện; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện; Chủ tịch UBND các xã: Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim, Vĩnh Hảo; Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, K2, KT&HT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Thông

QUYẾT ĐỊNH

V/v Thành lập đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ nhà
máy thủy điện Trà Xom

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TRÀ XOM

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC năm 2013;

- Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật PCCC năm 2013 và số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2018 quy định về công tác CNCH của lực lượng PCCC cơ sở;

- Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an: số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ và số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2018 của Chính phủ Quy định về công tác CNCH của lực lượng PCCC cơ sở;

- Căn cứ tình hình thực tế và để đảm bảo an toàn về người và tài sản tại nhà máy thủy điện Trà Xom;

- Xét đề nghị của Quản đốc Phân xưởng vận hành và Trưởng phòng Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Đội phòng cháy chữa cháy (PCCC) và cứu nạn cứu hộ (CNCH) Nhà máy thủy điện Trà Xom gồm có: 29 thành viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Lực lượng phòng cháy chữa cháy nhà máy thủy điện Trà Xom có nhiệm vụ:

1. Đề xuất ban hành các nội quy, quy định về an toàn PCCC và CNCH.
2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng phong trào quần chúng tham gia hoạt động PCCC; quản lý và duy trì hoạt động của Đội PCCC và CNCH cơ sở.

3. Kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định, nội quy an toàn về PCCC và CNCH.

4. Xây dựng phương án, chuẩn bị lực lượng, phương tiện và thực hiện nhiệm vụ chữa cháy khi có cháy, nổ, sự cố xảy ra; tham gia chữa cháy ở địa phương, cơ sở khác khi có yêu cầu.

Điều 3: Quyết định này thay cho QĐ số 31/CT-NS ngày 20/04/2017 của Công ty.

Điều 4: Các Ông: Phó Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng, Trưởng phó các phòng ban Công ty và các thành viên Đội Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại chỗ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Các phòng;
- CĐ, ĐTN Công ty;
- Lưu (VP)

GIÁM ĐỐC



Dinh Thế Giới

1000
CÔNG
CỔ PHẦN
HỮU
HẠN
TRẦN

PHỤ LỤC

(Đính kèm Quyết định số 24./CT-TT ngày 01./04./2021 của Giám đốc Công ty CPTĐ Trà Xom)

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN ĐỘI PCCC VÀ CNCH TẠI CƠ SỞ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Đinh Thế Giới	GD	Đội trưởng	
2	Nguyễn Thế Công	QĐ	Đội phó	
3	Phạm Đắc Tuấn	Nhân viên	Đội viên	
4	Lâm Xuân Huân	Nhân viên	Đội viên	
5	Dương Quốc Bình	CBKT	Đội viên	
6	Huỳnh Xuân Du	Trưởng ca	Đội viên	
7	Đỗ Tiến Dũng	Trưởng ca	Đội viên	
8	Trần Văn Quân	Trưởng ca	Đội viên	
9	Nguyễn Hữu Trang	Trưởng ca	Đội viên	
10	Nguyễn Thanh Tú	Thủ kho	Đội viên	
11	Đinh Hồng Đại	Công nhân	Đội viên	
12	Đinh Điều	Công nhân	Đội viên	
13	Nguyễn Văn Đình	Trực phụ	Đội viên	
14	Hồ Đắc Hiền	Trực phụ	Đội viên	
15	Khổng Văn Hiệp	Trực phụ	Đội viên	
16	Nguyễn Văn Hưng	Trực phụ	Đội viên	
17	Lê Công Mạnh	Trực chính	Đội viên	
18	Phan Thành Nam	Trực phụ	Đội viên	
19	Nguyễn Thanh Phụng	Trực phụ	Đội viên	
20	Phạm Đăng Sinh	Trực chính	Đội viên	
21	Trần Văn Thành	Trực phụ	Đội viên	
22	Trần Xuân Thành	Trực phụ	Đội viên	
23	Trần Mộng Toàn	Trực chính	Đội viên	
24	Nguyễn Văn Toàn	Trực chính	Đội viên	
25	Trần Thế Trung	Trực phụ	Đội viên	
26	Nguyễn Công Tường	Trực chính	Đội viên	
27	Nguyễn Quang Vũ	Công nhân	Đội viên	
28	Đinh Xuất	Công nhân	Đội viên	
29	Lê Anh Đức	Công nhân	Đội viên	

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 06 năm 2001.
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật PCCC.
- Căn cứ thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31/03/2004 của Bộ Công an.
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 84 ngày 25/10/2007 của Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom.
- Người đại diện: Nguyễn Trần Dũng
- Chức danh: Phó Giám đốc

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
CHỨNG NHẬN:**

- CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN TRÀ XOM.

Địa điểm: huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.
Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom.
Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà - UCRIN.
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Hàng sản xuất, bậc chịu lửa.
- Khoảng cách phòng cháy, giao thông phục vụ chữa cháy.
- Hệ thống thoát nạn, hệ thống thông gió.
- Hệ thống điện, hệ thống chống sét.
- Hệ thống báo cháy tự động.
- Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí CO₂.
- Hệ thống chữa cháy vách tường.

(theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2)

Các yêu cầu kèm theo:

1- Trung tâm báo cháy phải đặt nơi thường xuyên có người trực (5.2- TCVN 5738-2001).

2- Phòng ắc qui phải sử dụng đèn huỳnh quang chống nổ (2.6 TCVN 3255-1986).

Quy Nhơn, ngày 7 tháng 11 năm 2007

**TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC**

Nơi nhận:

- Cty CP Thủy điện Trà Xom
- Lưu PC23



Số: 184 /GP-BTNMT

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT
(Gia hạn lần 1)

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 1220/GP-BTNMT ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt công trình thủy điện Trà Xom của Công ty Cổ phần thủy điện Trà Xom ngày 19 tháng 3 năm 2024 và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần thủy điện Trà Xom (có địa chỉ tại thôn K8, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định) khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau:

- Tên công trình: thủy điện Trà Xom.
- Mục đích khai thác, sử dụng nước: phát điện.
- Nguồn nước khai thác, sử dụng: sông Đăk Trú và sông Trà Sơn (tên gọi khác là sông Đăk Sơn Lang) thuộc hệ thống sông Côn.
- Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác, sử dụng nước:
 - Xã Vĩnh Sơn và xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.
 - Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°) các hạng mục chính của công trình:

TT	Hạng mục	Tọa độ	
		X	Y
1	Tuyến đập chính hồ 1 (trên sông Đăk Trú)	1581563	546940
2	Tuyến đập phụ hồ 2 (trên sông Trà Sơn)	1585874	545297
3	Nhà máy thủy điện	1579689	550746

5. Chế độ khai thác: hồ chứa công trình thủy điện Trà Xom vận hành theo chế độ điều tiết năm.

6. Lượng nước khai thác, sử dụng: công suất lắp máy là 20MW, lưu lượng thiết kế qua nhà máy thủy điện là 4,9 m³/s.

7. Phương thức khai thác, sử dụng: công trình thủy điện Trà Xom là công trình thủy điện kiểu đường dẫn, nước từ hồ 2 trên sông Trà Sơn được chuyển về hồ 1 trên sông Đăk Trú và từ hồ 1 dẫn về nhà máy thủy điện Trà Xom đặt bên bờ phải sông Trà Sơn để phát điện, nước sau khi phát điện được trả về sông Trà Sơn tại vị trí cách đập hồ 2 khoảng 10km về phía hạ lưu.

8. Thời hạn của Giấy phép là năm (05) năm.

Điều 2. Công ty Cổ phần thủy điện Trà Xom chỉ được phép khai thác, sử dụng nước theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Thực hiện đúng các quy định của quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Trà Xom và quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ theo lệnh vận hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp lũ, lụt, hạn hán thiếu nước và các trường hợp khẩn cấp khác.

2. Đảm bảo lưu lượng xả về hạ lưu theo quy định của quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khi có yêu cầu cấp nước gia tăng ở hạ du, phải thực hiện vận hành công trình thủy điện Trà Xom xả nước về hạ du theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Khi xảy ra sự cố không thể vận hành, phải có giải pháp bảo đảm nguồn nước cho các nhu cầu sử dụng nước khác phía hạ du công trình. Trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước phải ưu tiên việc điều tiết hồ Trà Xom đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và nhu cầu nước thiết yếu của nhân dân khu vực hạ lưu.

4. Xây dựng quy chế và phương án phối hợp vận hành với đơn vị quản lý, vận hành các hồ chứa, đập dâng và các địa phương ở khu vực thượng, hạ lưu trong việc bảo đảm an toàn công trình, điều tiết giảm lũ, dòng chảy tối thiểu, nhu cầu sử dụng nước ở hạ du theo quy định, bảo đảm không gây lũ, lụt, ngập úng nhân tạo, thiếu nước ở hạ du, không gây sạt lở lòng hồ chứa công trình thủy điện Trà Xom, không gây xói lở lòng, bờ sông Đăk Trú, sông Trà Sơn và cung cấp, trao đổi, cập nhật thông tin, số liệu, kế hoạch vận hành của công trình thủy điện Trà Xom theo quy định.

5. Thực hiện việc quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến mực nước hồ, lưu lượng xả qua nhà máy, lưu lượng xả qua tràn và camera giám sát đối với lưu lượng xả qua tràn, lưu lượng xả qua nhà máy theo quy định; kết nối, cập nhật số liệu quan trắc tại công trình vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

6. Bố trí thiết bị, nhân lực để thực hiện việc vận hành nhà máy, quan trắc, giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước của công trình; thực hiện quan trắc

khí tượng, thủy văn, tổ chức dự báo lượng nước đến hồ để phục vụ vận hành hồ chứa; lập sổ theo dõi lượng nước khai thác, sử dụng hàng ngày, tháng, năm.

7. Thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng, thủy văn, mưa lũ lớn, lũ ống, lũ quét, lũ bùn đá, sạt lở đất, các loại hình thiên tai và xây dựng phương án để bảo đảm vận hành công trình an toàn, đối phó với tình huống vỡ đập, các tình huống đe dọa nghiêm trọng đến an toàn công trình, tính mạng, tài sản của nhân dân và an toàn cho các hồ chứa, đập dâng và các công trình khác ở hạ du; có trách nhiệm hỗ trợ người dân địa phương nơi xây dựng công trình.

8. Trường hợp gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác hoặc xảy ra sự cố công trình thì phải dừng ngay việc khai thác và báo cáo kịp thời đến các cơ quan chức năng ở Trung ương, địa phương để có biện pháp xử lý.

9. Trường hợp do vận hành công trình thủy điện Trà Xom gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản và hoạt động sản xuất của người dân địa phương ở hạ lưu thì phải có trách nhiệm khắc phục hậu quả kịp thời và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện việc thông báo, cảnh báo để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan ở khu vực hạ lưu đập trước khi vận hành xả lũ qua tràn hoặc bắt đầu vận hành xả nước qua phát điện.

11. Phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan liên quan trong việc quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước và bảo vệ hồ chứa theo quy định.

12. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở Trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác, sử dụng nước của công trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

13. Trường hợp phát sinh mục đích khai thác, sử dụng nước khác hoặc phải điều chỉnh các nội dung của Giấy phép thì phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt và hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định (nếu có).

14. Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

15. Định kỳ hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước của công trình thủy điện Trà Xom và gửi về Cục Quản lý tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định theo quy định.

Điều 3. Cục Quản lý tài nguyên nước có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước mặt của công trình này.

Điều 4. Công ty Cổ phần thủy điện Trà Xom được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa

vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2024. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần thủy điện Trà Xom còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Định;
- Cục Điều tiết điện lực - Bộ Công Thương;
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- Trung tâm QH&ĐT TNN quốc gia (để cập nhật dữ liệu);
- Sở TN&MT tỉnh Bình Định;
- Cục Thuế tỉnh Bình Định;
- Công ty Cổ phần thủy điện Trà Xom (02);
- Lưu: VT, VPMC, HSCP_{TNN-NM-02024} (02), TNN (02).

(Handwritten mark)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC**



**GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC**

SỐ123...../GP-ĐTĐL
NGÀY CẤP24-11-17.....

Số **123** /GP-DTEL

Hà Nội, ngày **24** tháng **1** năm 2017

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

Căn cứ Quyết định số 3771/QĐ-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tiết điện lực;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BCT ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của Công ty cổ phần Thủy điện Trà Xom;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Cấp phép và Quan hệ công chúng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép hoạt động điện lực cho

- Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Thủy điện Trà Xom**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100605687 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 19 tháng 5 năm 2006, thay đổi lần 7 ngày 05 tháng 4 năm 2016.
- Trụ sở giao dịch: Thôn K8, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 0256.6544393

Fax: 0256.3884236

Điều 2. Lĩnh vực hoạt động

Hoạt động phát điện.

Điều 3. Phạm vi và thời hạn của giấy phép

- Phạm vi hoạt động:

- Quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Trà Xom công suất 20MW (2x10MW) trên địa bàn xã Vĩnh Sơn và Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

- Quản lý, vận hành đường dây 110kV mạch kép ACSR-185/29 chiều dài 4,292km từ trạm nâng nhà máy thủy điện Trà Xom đến khoảng cột 45-46 thuộc đường dây 110kV Vĩnh Sơn – Đồn Phó.

2. Các đặc tính chính của Nhà máy thủy điện Trà Xom:

a) Turbin máy phát:

- Số lượng : 02 tổ máy;
- Chúng loại : Pelton trục đứng;
- Công suất định mức : 10,373 MW;
- Số vòng quay định mức : 750 vòng/phút.

b) Máy phát điện:

- Số lượng : 02 tổ máy;
- Loại : trục đứng, đồng bộ 3 pha;
- Công suất định mức : 10 MW;
- Điện áp đầu cực máy phát : 6,3kV;
- Tần số : 50Hz;

c) Trạm biến áp:

- Loại : Hở, đặt ngoài trời;
- Điện áp : 110 kV.

d) Máy biến áp chính:

- Loại : 3 pha, ngâm trong dầu, đặt ngoài trời;
- Số lượng : 02 máy;
- Công suất định mức : 12,5 MVA;
- Điện áp : 6,3/115±2x2.5%kV
- Tổ đấu dây : Δ/Y_n-11

đ) Đầu nối vào hệ thống điện: Nhà máy thủy điện Trà Xom được đầu nối vào lưới điện quốc gia qua đường dây 110kV mạch kép ACSR-185/29 chiều dài 4,292km từ trạm nâng nhà máy thủy điện Trà Xom đến khoảng cột 45-46 thuộc đường dây 110kV Vĩnh Sơn - Đồn Phó.

3. Thời hạn của giấy phép: Đến ngày 04 tháng 02 năm 2025.

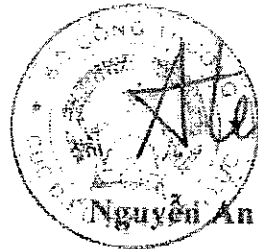
Điều 4. Trách nhiệm của Công ty cổ phần Thủy điện Trà Xom

Công ty cổ phần Thủy điện Trà Xom có nghĩa vụ thực hiện các quy định tại Luật Điện lực, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Giấy phép hoạt động điện lực này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Giấy phép hoạt động điện lực số 18/GP-ĐTĐL ngày 26 tháng 01 năm 2016 do Cục Điều tiết điện lực cấp cho Công ty cổ phần Thủy điện Trà Xom./.

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Anh Tuấn

STT	Họ và tên	Chức danh hiện tại	Giới tính	Năm sinh
19	Khổng Văn Hiệp	Trực Phụ	Nam	1983
20	Hồ Đắc Hiền	Trực Phụ	Nam	1981
21	Nguyễn Văn Hưng	Trực Phụ	Nam	1981
22	Trần Văn Thành	Trực Phụ	Nam	1988
23	Trần Xuân Thành	Trực Phụ kiêm lái xe	Nam	1986
24	Hà Quốc Danh	Trực Phụ	Nam	1988
25	Nguyễn Thanh Phụng	Trực Phụ	Nam	1992
26	Phạm Thành Nam	Trực Phụ	Nam	1991
27	Nguyễn Quang Vũ	CN điện	Nam	1989
28	Đình Hồng Đại	CN điện	Nam	1988
29	Đình Điều	CN điện	Nam	1976
30	Đình Xuất	CN điện	Nam	1988
31	Nguyễn Thanh Tú	Thủ kho	Nam	1973
32	Lê Anh Đức	Lái máy	Nam	1983

Nhà máy: 1ca(2 <)

Khu điều hành: 13 người - 82 -

DANH SÁCH CBCNV CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TRÀ XOM

708

STT	Họ và tên	Chức danh hiện tại	Giới tính	Năm sinh
	Bộ phận gián tiếp			
1	Đình Thế Giới	Giám đốc	Nam	1979
2	Trần Quang Hiện	Phó GD	Nam	1975
3	Nguyễn Trung Kiên	TVCTHĐQT	Nam	1996
	Phòng Tổng hợp			
4	Phạm Đắc Tuấn	Kế toán trưởng	Nam	1981
5	Lâm Xuân Huân	Kế toán viên	Nam	1992
6	Trần Thị Thanh Thủy	Nhà bếp	Nữ	1991
	Bộ phận Sản Xuất			
	Nhóm chức danh quản lý vận hành nhà máy			
7	Dương Quốc Bình	Tổ trưởng tổ KT	Nam	1979
8	Nguyễn Thế Công	Quản đốc	Nam	1978
9	Huỳnh Xuân Du	Trưởng ca	Nam	1978
10	Đỗ Tiến Dũng	Trưởng ca	Nam	1983
11	Trần Văn Quân	Trưởng ca	Nam	1982
12	Nguyễn Hữu Trang	Trưởng ca	Nam	1983
	Nhóm chức danh công nhân sản xuất điện			
13	Phạm Đăng Sinh	Trực chính	Nam	1980
14	Nguyễn Văn Toàn	Trực chính	Nam	1985
15	Trần Mộng Toàn	Trực chính	Nam	1979
16	Nguyễn Công Tường	Trực chính	Nam	1985
17	Lê Công Mạnh	Trực chính	Nam	1984
18	Trịnh Văn Minh	Trực chính	Nam	1982



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 2389/25780924

Ngày: 07/10/2024

Trang: 01/01

I. Loại mẫu : Nước mặt

Lượng mẫu: 2 lít

II. Thời gian:

Lấy mẫu: 26/9/2024 Thử nghiệm: 26/9/2024-07/10/2024 Lưu mẫu: 07 ngày

III. Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy thủy điện Trà Xom – Công ty Cổ phần thủy điện Trà Xom, xã Vĩnh Hảo và Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

IV. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu

Mô tả mẫu:

Ký hiệu mẫu:

- Nước mặt tại suối Trà Xom, tọa độ: 1580232; 551292 (10h30)

Nước ít cạn

NM

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

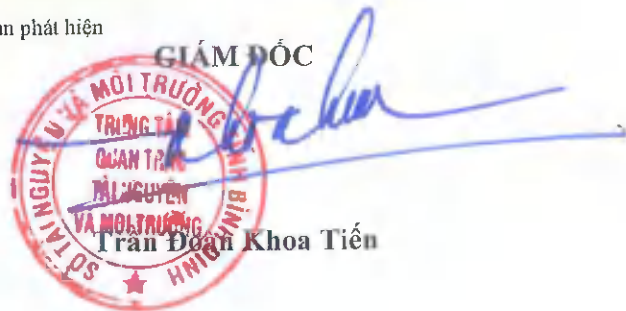
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
1	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/l	TCVN 6625:2000	<2,62 (LOQ=2,62)
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ^(a)	mg/l	SMEWW 5220 C:2023	<5,0 (LOQ=5,0)
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	<3,0 (LOQ=3,0)
4	Tổng nitơ (T-N) ^(a,b)	mg/l	SMEWW 4500N.C:2023 & SMEWW 4500NO ₃ .E:2023	<0,02 (LOQ=0,02)
5	Tổng photpho (T-P) ^(a)	mg/l	SMEWW 4500- P.B&D:2023	<0,06 (LOQ=0,06)
6	Coliform ^(a)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	240

V. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- Mục I, II, IV, V được ghi theo đúng yêu cầu của đơn vị;
- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts 014
- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671
- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng; (MDL): giới hạn phát hiện

PHÒNG QT-PT

Nguyễn Thị Ngọc Đường

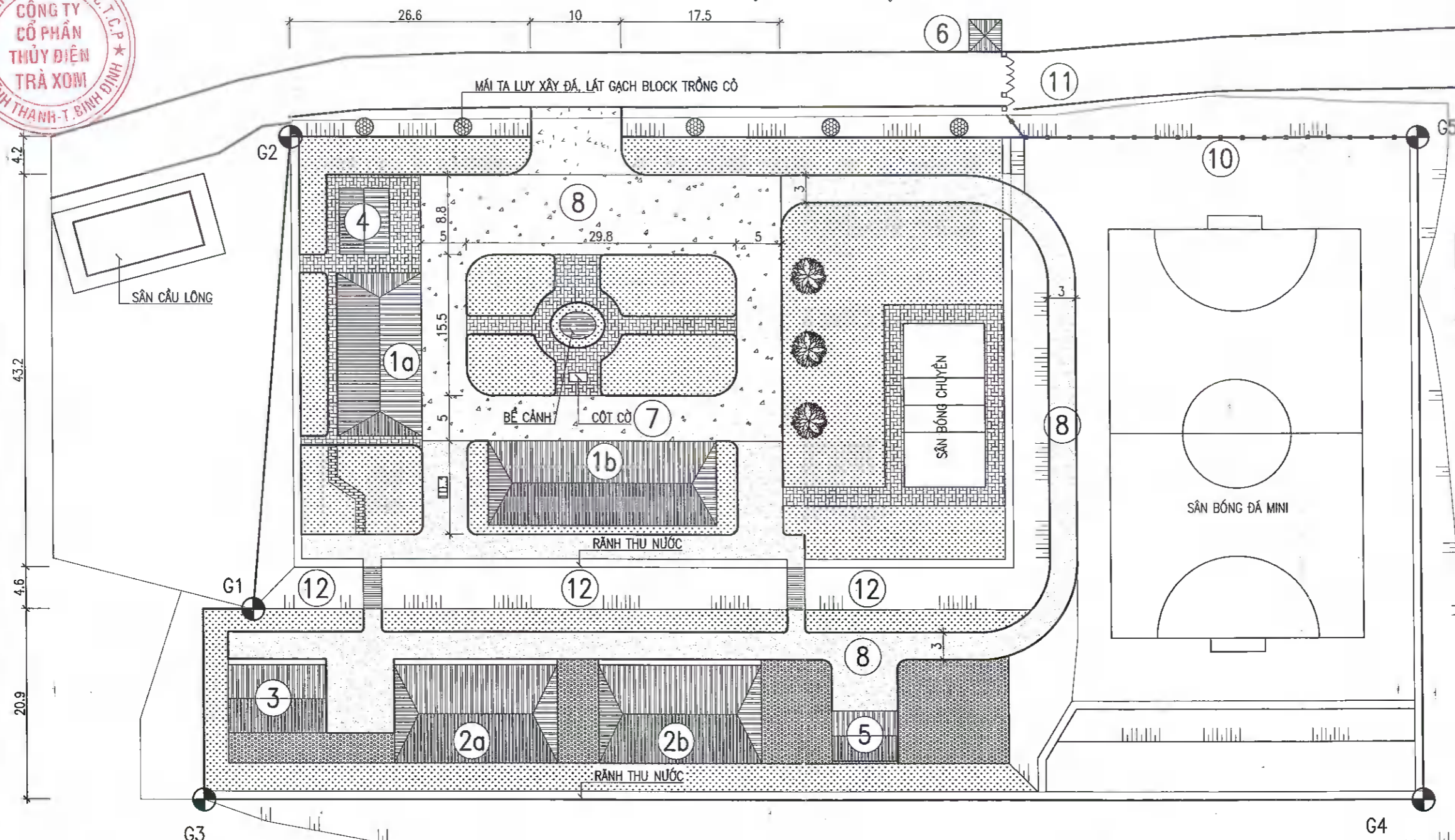


Trần Đoàn Khoa Tiên





QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TL 1:500



- SÂN, LỐI ĐI LÁT GẠCH
- TRỒNG CÂY XANH
- ĐƯỜNG BÊ TÔNG LOẠI I
- ĐƯỜNG BÊ TÔNG LOẠI II

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	GHI CHÚ
1A	NHÀ LÀM VIỆC 5 GIAN	
1B	NHÀ LÀM VIỆC 7 GIAN	
2A	NHÀ Ở 5 GIAN	
2B	NHÀ Ở 5 GIAN	
3	NHÀ ẮN	
4	GA RA	
5	NHÀ ĐỂ XE	
6	NHÀ BẢO VỆ	
7	CỘT CỜ	
8	SÂN ĐƯỜNG	
9	RÃNH THOÁT NƯỚC	
10	HÃNG RÀO	
11	CỔNG	
12	GIA CỐ BẢO VỆ TALUY (ĐÁ XÂY VXM M100)	

BẢNG TOẠ ĐỘ

TÊN ĐIỂM	Y	X
G1	578264.993	1580166.215
G2	578209.962	1580278.086
G3	578167.508	1580257.122
G4	578140.104	1580254.842
G5	578199.579	1580134.036

SDUCR CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ - UCRIN		CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN TRÀ XÔM TỈNH BÌNH ĐỊNH	
GIÁM ĐỐC	ĐINH VĂN DUẤN	KHU QUẢN LÝ VẬN HÀNH	
Q.L.K.T	NGUYỄN VIỆT DŨNG		
XUỐNG TRƯỞNG	TẠ HOÀNG MINH	QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG	
CHỦ TRÌ	TẠ HOÀNG MINH		
KIỂM TRA	TÔ QUANG PHÚC		
THIẾT KẾ	NGUYỄN TRƯỜNG THÁI	B.V.T.C	0631-QLVH-QH-01
		HT 01-2015	

GIẤY ĐÓNG



Handwritten signature in red ink

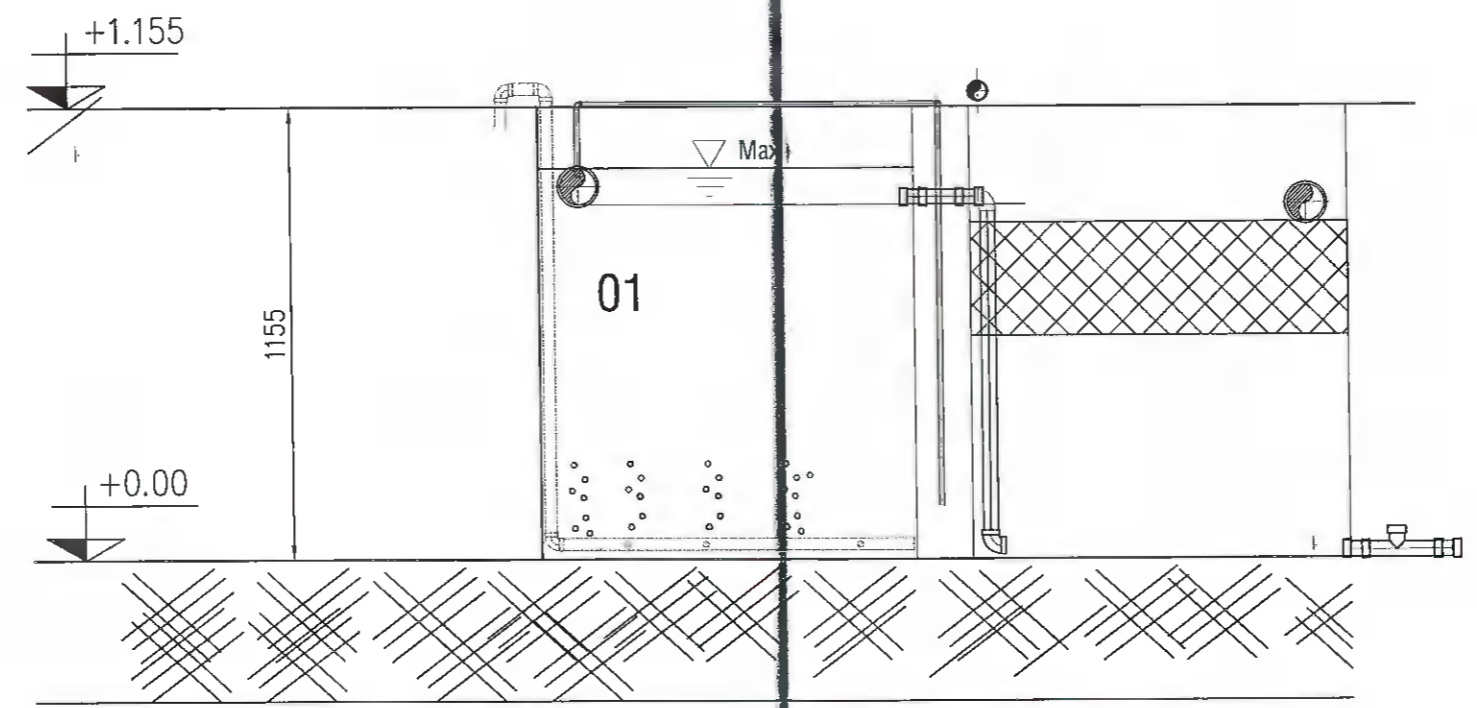
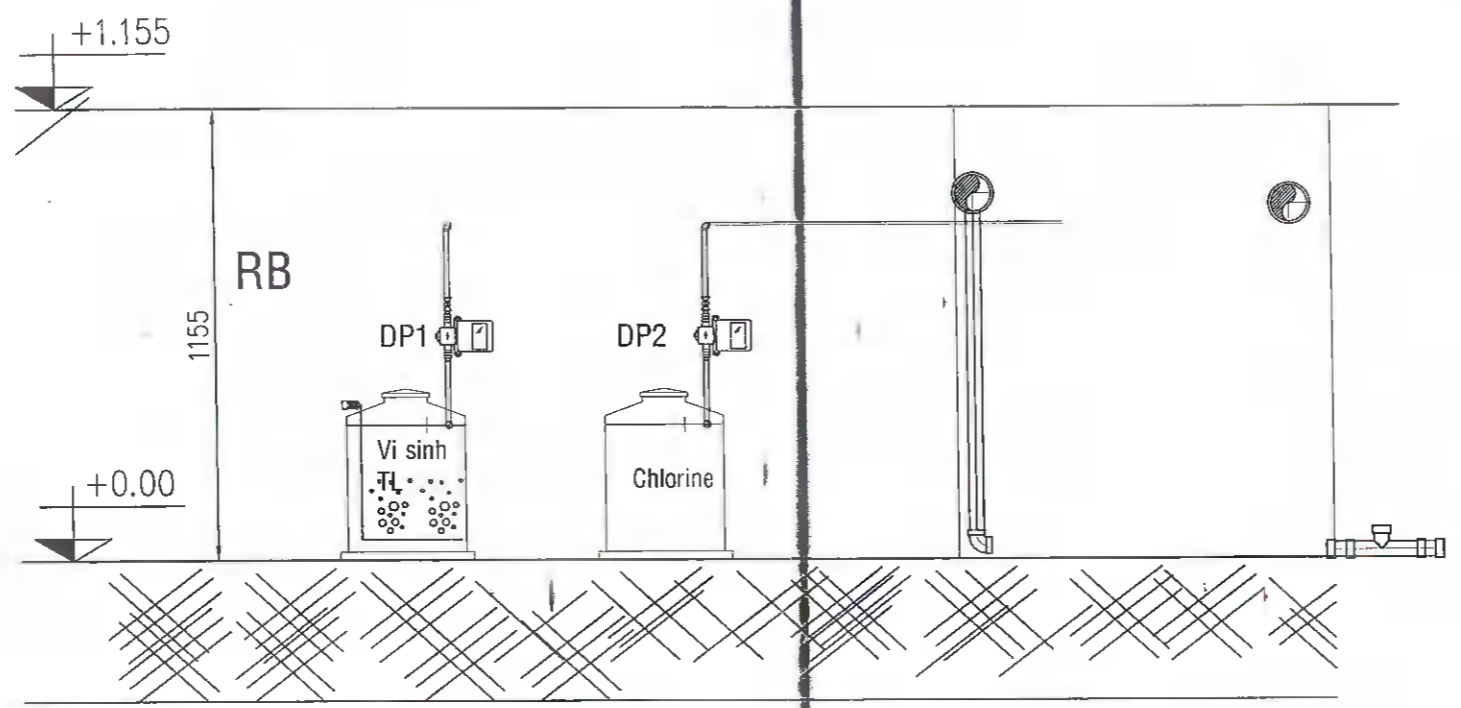


CHAMBOC

CHAMBOC



CHAMBOC



GHI CHÚ:

Stt	Ngày HC	Ký hiệu	Nội dung HC

Hiệu chỉnh

Chủ đầu tư
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TRÀ XOM

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY TNHH TM VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LONG PHƯỚC

Tên công trình
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN TRÀ XOM

Địa điểm :
 Xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, huyện An Lão, tỉnh Bình Định

Hạng mục
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT 3m³/NGÀY.ĐÊM

Tên bảng vẽ
MẶT CẮT HỆ THỐNG

Ngày hoàn thành

KT



GIÁM ĐỐC

Dinh Thế Giti



GIÁM ĐỐC

Vũ Thành Long

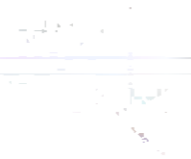
CHẤM ĐÓNG



Handwritten signature in red ink.



Vertical handwritten text or signature.



GIẤM ĐỐC



Trần Văn Bình